

# THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 02/2026)

## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

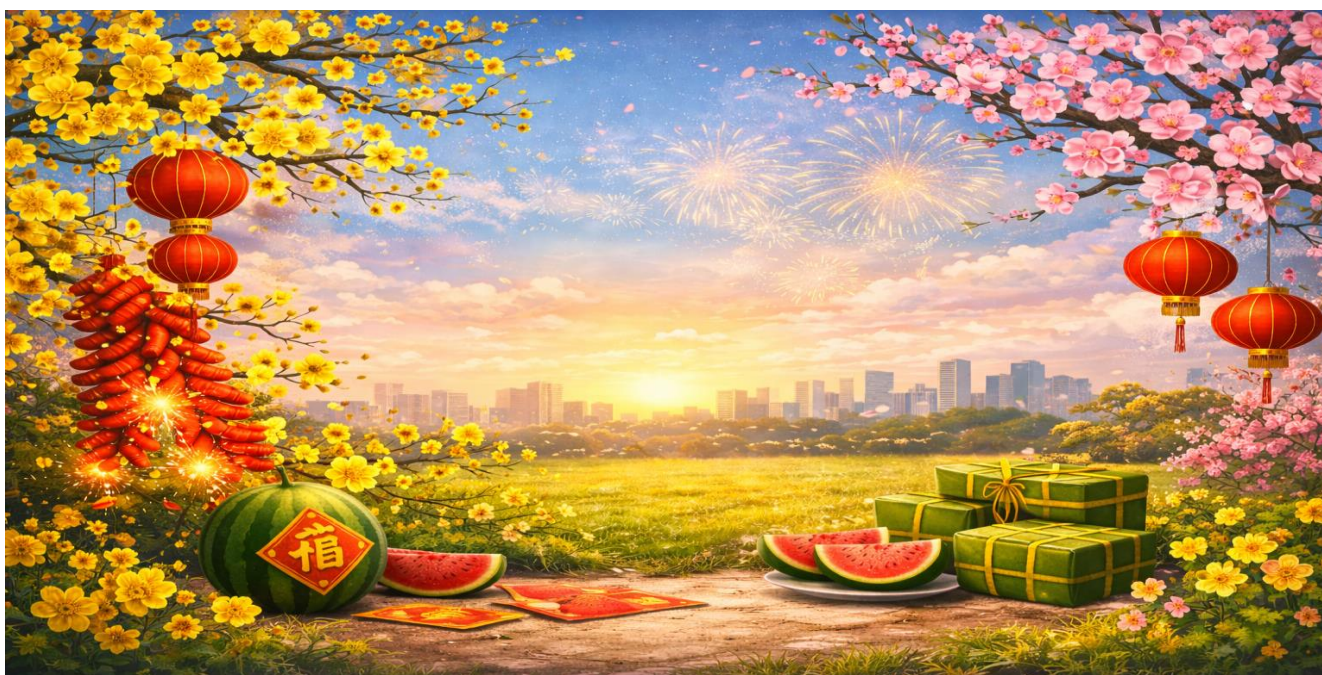
02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

### ĐIỂM TIN

7. Tiêu chuẩn mới kiểm soát chất lượng nhiên liệu
8. Chuẩn mới về truy xuất chuỗi cung ứng số
9. Chuẩn hóa thiết kế để khép kín vòng đời sản phẩm
11. TCVN 14169:2024: Hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định chia sẻ dữ liệu trong đô thị thông minh
13. TCVN 13167:2025 về các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc
14. Bước tiến mới trong tiêu chuẩn nhiên liệu sạch
15. TCVN 14460:2025: Thúc đẩy thiết kế sản phẩm điện, điện tử theo hướng bền
16. Quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng
18. Nâng cao chất lượng dừa già quả tươi theo TCVN 14428:2025, đáp ứng yêu cầu thị trường
20. Chuẩn hóa chất lượng rau muống tươi theo TCVN 14427:2025
21. Xây dựng tiêu chuẩn an toàn cho bột lửa thể hệ mới
22. Vì sao chính phủ Mỹ hủy quy định chuẩn nhiên liệu ưu ái xe điện
23. Phân loại rủi ro để quản lý chất lượng hàng hóa hiệu quả hơn
24. Tiêu chuẩn mới về AI trong quản lý nhân sự
25. Tiêu chuẩn mới về phục hồi carbon đen: Cú hích cho kinh tế tuần hoàn ngành lốp xe
26. Nhiều Nghị định, quy định hết hiệu lực thi hành khi Nghị định số 22/2026/NĐ-CP có hiệu lực

### THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

28. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 02/2026



❖ **CHÍNH PHỦ****Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 22/2026/NĐ-CP hoàn thiện khung pháp lý về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật**

Ngày 16/01/2026, Chính phủ Việt Nam đã ban hành **Nghị định số 22/2026/NĐ-CP** quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, đánh dấu bước hoàn thiện quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**Hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành tiêu chuẩn – quy chuẩn**

Nghị định 22/2026/NĐ-CP quy định rõ trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành và công bố **tiêu chuẩn quốc gia (TCVN)** và **quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN)**. Trong đó, nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm tính minh bạch, khoa học, khả thi và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Các bộ, ngành được giao trách nhiệm chủ trì xây dựng quy chuẩn kỹ thuật trong phạm vi quản lý; đồng thời thực hiện rà soát, cập nhật, sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy chuẩn không còn phù hợp nhằm bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

**Đẩy mạnh số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia**

Một điểm mới đáng chú ý của Nghị định là yêu cầu xây dựng và vận hành **Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng** trên nền tảng số. Hệ thống này nhằm:

- Tập trung hóa thông tin về TCVN, QCVN và các văn bản liên quan;
- Hỗ trợ cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân tiếp cận thông tin chính thống;
- Tăng cường chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương.

Việc số hóa dữ liệu được kỳ vọng sẽ nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chồng chéo và tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh.

**Làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước**

Nghị định cũng quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định và cơ quan ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn. Đồng thời, tăng cường cơ chế giám sát, đánh giá việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật trong thực tiễn.

Việc phân định rõ trách nhiệm giúp nâng cao tính minh bạch, bảo đảm chất lượng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và hạn chế tình trạng ban hành chồng chéo.

**Ý nghĩa đối với doanh nghiệp và hội nhập quốc tế**

Việc ban hành Nghị định 22/2026/NĐ-CP được đánh giá là bước đi quan trọng nhằm:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm;

- Tăng cường khả năng hội nhập và thừa nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, quy chuẩn trong thương mại quốc tế.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng, Nghị định 22/2026/NĐ-CP góp phần củng cố nền tảng quản lý chất lượng quốc gia, hướng tới hệ thống tiêu chuẩn hóa hiện đại, minh bạch và hiệu quả./.

## ❖ **BỘ CÔNG THƯƠNG**

### **Sửa đổi quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà từ 10/4/2026**



Bộ trưởng Bộ Công Thương vừa ban hành Thông tư số 07/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2013/TT-BCT quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10/4/2026.

Bộ trưởng Bộ Công Thương vừa ban hành Thông tư sửa đổi quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà từ 10/4/2026

Theo Thông tư, Bộ Công Thương chỉ định các thương nhân có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá và do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là thương nhân nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà theo cơ chế thương mại nhà nước.

Đáng chú ý, thương nhân có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá phải trực

tiếp thực hiện nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà và không được ủy quyền, ủy thác cho thương nhân khác thực hiện.

Thông tư cũng sửa đổi khoản 3 Điều 7 theo hướng: thương nhân nhập khẩu thuốc lá điếu phải thực hiện công bố hợp quy theo quy chuẩn quốc gia; thương nhân nhập khẩu xì gà phải công bố tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với quy định hiện hành; đồng thời bãi bỏ khoản 4 Điều 7 của Thông tư số 37/2013/TT-BCT.

Khi làm thủ tục nhập khẩu, ngoài hồ sơ theo quy định của cơ quan Hải quan, thương nhân phải xuất trình 01 bản chính Đơn đăng ký nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà đã được Cơ quan cấp phép xác nhận hoặc nộp qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, đầy đủ của chứng từ nộp cho cơ quan Hải quan.

Trước khi làm thủ tục nhập khẩu, thương nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ tại UBND tỉnh/thành phố nơi đặt trụ sở chính hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, trực tuyến của Cơ quan cấp phép. Hồ sơ gồm: 02 bản Đơn đăng ký nhập khẩu tự động theo mẫu; bản sao hợp đồng nhập khẩu; bản sao hóa đơn thương mại; bản sao vận đơn hoặc chứng từ vận tải (nếu có); bản sao Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

Thông tư thay thế cụm từ “Cơ quan cấp phép - Bộ Công Thương” bằng “Cơ quan cấp phép” tại các điều khoản liên quan; đồng thời bãi bỏ Điều 11 của Thông tư số 37/2013/TT-BCT.

Về trách nhiệm tổ chức thực hiện, Cơ quan cấp phép có trách nhiệm kiểm tra hoặc phối hợp kiểm tra việc thực hiện hoạt động nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà theo quy định. Trường hợp thương nhân vi phạm ở mức xử lý hành chính, Cơ quan cấp

phép xem xét không xác nhận Đơn đăng ký nhập khẩu tự động cho đến khi khắc phục xong vi phạm. Trường hợp vi phạm ở mức xem xét xử lý hình sự, thương nhân không được làm đầu mỗi nhập khẩu theo cơ chế thương mại nhà nước cho đến khi được miễn hình phạt hoặc xóa án tích theo quy định pháp luật.

Thông tư cũng thay thế Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-BCT bằng Phụ lục I và Phụ lục II mới.

Phụ lục I quy định danh mục thuốc lá điếu, xì gà nhập khẩu thuộc nhóm mã HS 24.02 và 2402, bao gồm xì gà, xì gà xén hai đầu, xì gà nhỏ và thuốc lá điếu từ lá thuốc lá hoặc từ các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá, với các mã chi tiết như 2402.10.00; 2402.20.10; 2402.20.20; 2402.20.90; 2402.90.10; 2402.90.20.

Phụ lục II ban hành Mẫu đơn đăng ký nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà, trong đó quy định cụ thể các thông tin phải kê khai như tên hàng, mã HS 8 số, số lượng, trị giá, nước xuất khẩu, sản lượng được phép sản xuất và nhập khẩu hàng năm để tiêu thụ trong nước, cùng các chứng từ kèm theo.

Thông tư số 07/2026/TT-BCT có hiệu lực từ ngày 10/4/2026./.

## ❖ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### **Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 03/2026/TT-BKHCN về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia 2026**

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký ban hành **Thông tư số 03/2026/TT-BKHCN** quy định chi tiết tiêu chí và thang điểm xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2026.

Theo Thông tư, hệ thống tiêu chí tập trung đánh giá toàn diện hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm: vai trò lãnh đạo và



chiến lược phát triển; quản trị và vận hành hệ thống; quản lý nguồn lực; kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh; mức độ hài lòng của khách hàng và đóng góp cho cộng đồng. Các tiêu chí được xây dựng theo hướng tiếp cận mô hình quản lý chất lượng tiên tiến, phù hợp thông lệ quốc tế.

Việc ban hành Thông tư 03/2026/TT-BKHCN nhằm tạo cơ sở pháp lý minh bạch cho công tác xét chọn, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập.

Giải thưởng Chất lượng Quốc gia là hình thức tôn vinh của Nhà nước dành cho các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong nâng cao chất lượng, đổi mới quản lý và phát triển bền vững./.

### **Quyết định ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia**

#### **Quyết định số 3082/QĐ-BKHCN (08/10/2025)**

1. **TCVN 14374:2025**, Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Trichoderma koningii* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

2. **TCVN 14375:2025**, Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Trichoderma viride* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

3. **TCVN 14376:2025**, Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Trichoderma harzianum* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng giải trình tự gen

4. **TCVN 14377:2025**, Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Metarhizium anisopliae* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng giải trình tự gen

5. **TCVN 14378:2025**, Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Streptomyces owasiensis* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng giải trình tự gen

**Quyết định số 3082/QĐ-BKHCN (01/12/2025)**

1. **TCVN 9311 -10: 2025**, Thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình – Phần 10: Các yêu cầu riêng đánh giá hiệu quả của vật liệu chịu lửa cho cấu kiện kết cấu thép

2. **TCVN 14375:2025**, Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Trichoderma viride* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

3. **TCVN 14376:2025**, Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Trichoderma harzianum* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng giải trình tự gen

4. **TCVN 14377:2025**, Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Metarhizium anisopliae* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng giải trình tự gen

5. **TCVN 14378:2025**, Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Streptomyces owasiensis* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng giải trình tự gen

6. **Quyết định số 4543/QĐ-BKHCN (30/12/2025)**

7. **TCVN 1076:2025**, Gỗ xẻ – Thuật ngữ và định nghĩa liên quan đến hình dạng, kích thước

8. **TCVN 1758:2025**, Gỗ xẻ – Phân hạng theo khuyết tật

9. **TCVN 14544:2025**, Rừng vùng ven biển – Tiêu chí và phương pháp xác định

10. **TCVN 14545:2025**, Giống cây lâm nghiệp – Cây giống các loài cây ngập mặn

11. **TCVN 14546:2025**, Giống cây lâm nghiệp – Cây giống các loài thông

**Quyết định số 4545/QĐ-BKHCN (30/12/2025)**



1. **TCVN 14533:2025**, Than tre hoạt tính – Yêu cầu chung

2. **TCVN 14534-1:2025**, Than tre – Phần 1: Yêu cầu chung

3. **TCVN 14534-2:2025**, Than tre – Phần 2: Sử dụng làm nhiên liệu

4. **TCVN 14534-3:2025**, Than tre – Phần 3: Sử dụng để lọc không khí

5. **TCVN 14535:2025**, Đồ nội thất văn phòng – Ghế văn phòng – Phương pháp xác định độ ổn định, độ bền và độ bền lâu,

6. **TCVN 14536:2025**, Đồ nội thất văn phòng – Ghế văn phòng – Phương pháp xác định kích thước,

7. **TCVN 14547-1:2025**, Ván sàn tre – Phần 1: Sử dụng trong nhà

8. **TCVN 14547-2:2025**, Ván sàn tre – Phần 1: Sử dụng ngoài trời

9. **TCVN 14548:2025**, Hệ thống phân loại mây – Yêu cầu và phân hạng

10. **TCVN 14549-1:2025**, Gỗ – Phương pháp định loại bằng công nghệ quang phổ khối lượng – Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa

11. **TCVN 14549-2:2025**, Gỗ – Phương pháp định loại bằng công nghệ quang phổ khối lượng – Phần 2: Lấy mẫu,

12. **TCVN 14549-3:2025**, Gỗ – Phương pháp định loại bằng công nghệ quang phổ khối lượng – Phần 3: Xây dựng cơ sở dữ liệu

13. **TCVN 14549-4:2025**, Gỗ – Phương pháp định loại bằng công nghệ quang phổ khối lượng – Phần 4: Định loại gỗ,

14. **TCVN 14550:2025**, Gỗ nguyên và gỗ dán – Xác định khả năng chống chịu thời tiết theo phương pháp lão hóa

15. **TCVN 13434-2:2025**, Sơn phủ bề mặt sản phẩm gỗ – Phần 2: Nhóm sơn phenol  
**Quyết định số 4664/QĐ-BKHCN(31/12/2025)**

1. **TCVN 14596:2025**, Quản lý rừng bền vững – Các yêu cầu

**Quyết định số 4549/QĐ-BKHCN(30/12/2025)**

1. **TCVN 12371-2-20:2025**, Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật – Phần 2-20: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám

2. **TCVN 12371-2-21:2025**, Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật – Phần 2-21: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định vi khuẩn

gây bệnh vàng lá gân xanh Candidatus Liberibacter asiaticus,

3. **TCVN 12195-2-18:2025**, Quy trình giám định nấm gây ệnh thực vật – Phần 2-18: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định nấm đốm đen Phyllosticta citicarpa (McAlpine) Aa

4. **TCVN 12848:2025**, Nông sản có nguồn gốc thực vật – Xác định đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng sắc ký khí và sắc ký lỏng sau khi xử lý mẫu bằng phương pháp QuEChERS./.

### **Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia hoàn thiện dự thảo sửa đổi Luật Đo lường**

Trong tháng 02/2026, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đã tổ chức các cuộc họp chuyên môn nhằm góp ý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo sửa đổi Luật Đo lường, chuẩn bị trình cấp có thẩm quyền xem xét trong năm 2026.

Theo định hướng sửa đổi, dự thảo Luật tập trung vào việc **hiện đại hóa hoạt động đo lường**, tăng cường ứng dụng khoa học – công nghệ và đẩy mạnh **chuyển đổi số trong quản lý phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn**. Bên cạnh đó, các quy định mới được nghiên cứu theo hướng hài hòa với thông lệ và khuyến nghị quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế toàn cầu.

Việc sửa đổi Luật Đo lường được đánh giá là cần thiết sau hơn 10 năm triển khai thi hành, nhằm khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn, đồng thời tạo hành lang pháp lý đồng bộ, minh bạch cho công tác quản lý nhà nước về đo lường trong giai đoạn mới.

Dự kiến, hồ sơ dự án Luật sẽ được hoàn thiện để trình Chính phủ trong năm 2026 theo chương trình xây dựng pháp luật./.



## TIÊU CHUẨN MỚI KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NHIÊN LIỆU

**Trong bối cảnh ngành công nghiệp, vận tải ngày càng phụ thuộc vào nhiên liệu chất lượng cao, việc phát hiện sớm và chính xác sự nhiễm vi sinh trong nhiên liệu lỏng trở thành vấn đề cấp thiết. Mới đây, một tiêu chuẩn đang được xây dựng bởi ASTM International nhằm cung cấp phương pháp thử nghiệm nhanh, đơn giản và hiệu quả để đánh giá mức độ nhiễm vi sinh trong nhiên liệu và nước liên quan đến nhiên liệu mở ra hướng tiếp cận mới trong quản lý chất lượng và bảo trì hệ thống nhiên liệu.**



Tình trạng nhiễm vi sinh trong hệ thống nhiên liệu không phải chuyện mới. Các vi sinh vật như vi khuẩn và nấm men có thể phát triển trong môi trường nhiên liệu ẩm ướt, đặc biệt khi có sự xuất hiện của nước. Những vi sinh này ăn các carbohydrate trong nhiên liệu, hình thành màng sinh học (biofilm) và tạo ra các chất axit gây ăn mòn bồn chứa, đường ống và các chi tiết kỹ thuật khác. Hậu quả là chất lượng nhiên liệu giảm sút, thiết bị dễ hư hỏng, hoạt động bị gián đoạn và chi phí bảo trì tăng cao.

Hiện nay, việc phát hiện vi sinh trong nhiên liệu thường được thực hiện bằng phương pháp nuôi cấy truyền thống trong phòng thí nghiệm, mất nhiều thời gian (vài ngày đến tuần) và yêu cầu tay nghề cao.

Điều này khiến doanh nghiệp khó kiểm tra nhanh ở hiện trường và quản lý hiệu quả chất lượng nhiên liệu trong chuỗi cung ứng. Chính vì vậy, nhu cầu về phương pháp thử nhanh, dễ áp dụng đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Tiêu chuẩn mới đang được soạn thảo bởi ASTM International mô tả quy trình thử nghiệm nhanh nhằm xác định nhanh mức độ nhiễm vi sinh trong nhiên liệu hoặc nước liên quan đến nhiên liệu.

Theo giới chuyên gia tham gia xây dựng dự thảo, phương pháp thử được đề xuất có thể cho kết quả trong khoảng 20 phút - một bước tiến lớn so với các phương pháp truyền thống mất hàng giờ đến vài ngày. Đây là phương pháp xét nghiệm nhanh dựa trên xét nghiệm dòng chảy ngang (lateral flow test - LFT), tương tự như nguyên lý của các bộ kit test nhanh được sử dụng rộng rãi trong xét nghiệm y tế như test COVID-19.

Tuy nhiên, thay vì tìm các dấu hiệu của virus hay hormone, phương pháp này tìm kiếm các carbohydrate - dấu hiệu đặc trưng của sự phát triển vi sinh trong nhiên liệu lỏng.

Điểm nổi bật của phương pháp mới là tính đơn giản và khả năng áp dụng linh hoạt. Quy trình được thiết kế để có thể thực hiện ngay tại hiện trường hoặc trong phòng thí nghiệm. Điều này giúp doanh nghiệp, đơn vị khai thác và bảo trì hệ thống nhiên liệu có thể đánh giá nhanh tình trạng nhiễm vi sinh và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

Cũng theo chuyên gia, nếu được chính thức ban hành, tiêu chuẩn mới có thể được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực liên

quan đến nhiên liệu như hàng không, vận tải đường bộ, đường biển, quân sự và sản xuất điện. Chất lượng nhiên liệu ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu suất hoạt động và tuổi thọ của thiết bị, do đó phương pháp thử nhanh sẽ hỗ trợ hiệu quả trong quản lý chất lượng, bảo trì định kỳ và giảm thiểu rủi ro vận hành.

Việc chuẩn hóa phương pháp thử nghiệm còn tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm tra chất lượng, tổ chức quản lý kỹ thuật và cơ quan quản lý nhà nước trong việc thiết lập các bộ tiêu chí đánh giá thống nhất. Điều này giúp tăng tính minh bạch, đảm bảo chất lượng nhiên liệu trên thị trường, đồng thời giúp doanh

nh nghiệp tiết kiệm chi phí kiểm soát và xử lý ô nhiễm do vi sinh gây ra.

Hiện tại, tiêu chuẩn đang trong quá trình hoàn thiện và lấy ý kiến từ các chuyên gia, nhà khoa học và doanh nghiệp trong ngành. Việc xây dựng tiêu chuẩn nhanh và thiết thực sẽ phụ thuộc vào sự hợp tác giữa các bên và tiến độ phê duyệt chính thức của ASTM International. Nếu được thông qua và áp dụng rộng rãi, tiêu chuẩn mới sẽ góp phần tạo ra bước chuyển trong công tác kiểm soát chất lượng nhiên liệu, nâng cao độ tin cậy hệ thống và thúc đẩy hiệu quả kinh tế cho các ngành sử dụng nhiên liệu trọng điểm./.

0

## CHUẨN MỚI VỀ TRUY XUẤT CHUỖI CUNG ỨNG SỐ

**ASTM International vừa phát hành bản cập nhật mới cho hướng dẫn D8558 về truy xuất nguồn gốc, xác thực, kiểm chứng và giám sát chuỗi cung ứng bằng công nghệ số hiện đại, nổi bật là blockchain và các giải pháp kỹ thuật số khác. Động thái này được kỳ vọng giúp doanh nghiệp và cơ quan quản lý tăng tính minh bạch thông tin, đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế ngày càng cao và hỗ trợ thương mại hợp pháp hiệu quả hơn.**



### Chuỗi cung ứng trước yêu cầu minh bạch

Trong kỷ nguyên số, chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng phức tạp với sự tham gia của nhiều đối tác ở nhiều quốc gia, lĩnh vực. Các doanh nghiệp và cơ quan quản lý đang đối mặt với thách thức lớn trong việc đảm bảo rằng thông tin về nguồn gốc nguyên liệu, quy trình sản xuất, chứng nhận tuân thủ hay các điều kiện lao động đều được phản ánh chính xác, minh bạch và có thể truy xuất khi cần thiết. Điều này không

chỉ ảnh hưởng đến uy tín sản phẩm mà còn đến hoạt động thương mại xuyên biên giới.

Chuẩn hóa truy xuất nguồn gốc không chỉ giúp các bên liên quan xác định “dòng chảy” của sản phẩm từ đầu đến cuối, mà còn tạo nền tảng phát hiện sai sót, gian lận hay vi phạm tiêu chuẩn. Nhiều ngành hàng, đặc biệt là thực phẩm, dược phẩm và sản phẩm công nghệ cao đang đặt vấn đề này ở vị trí ưu tiên trong chiến lược quản lý chất lượng và

thương mại. Không ít quốc gia đã ban hành các tiêu chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc để góp phần nâng cao an toàn và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Đáng chú ý, theo thông tin từ ASTM International, bản cập nhật hướng dẫn D8558 vừa được hoàn thiện bởi Ủy ban Thông tin số trong chuỗi cung ứng (F49) nhằm cung cấp một khuôn khổ toàn diện hơn cho doanh nghiệp và nhà quản lý. Hướng dẫn này tập trung vào bốn bước trọng tâm trong việc số hóa truy xuất chuỗi cung ứng: truy xuất nguồn gốc, xác thực, kiểm chứng và giám sát thông tin theo thời gian thực.

Trong đó, truy xuất nguồn gốc giúp xác định điểm xuất phát của nguyên liệu và theo dõi quá trình từ khai thác, sản xuất đến thành phẩm. Xác thực là bước kiểm tra tính thật của tài liệu và dữ liệu, nhằm phát hiện các chứng chỉ hoặc hồ sơ giả mạo. Kiểm chứng là việc đối chiếu thông tin chuỗi cung ứng qua các công cụ như mã định danh toàn cầu, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu vị trí địa lý... để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu được khai báo. Giám sát tạo điều kiện để cơ quan chức năng hoặc các tổ chức được ủy quyền theo dõi và đánh giá dữ liệu theo thời gian thực, từ đó thúc đẩy tuân thủ liên tục và giảm rủi ro.

Bản hướng dẫn D8558 không chỉ cung cấp nguyên tắc chung mà còn linh hoạt áp dụng cho nhiều ngành công nghiệp và trường hợp sử dụng khác nhau - từ sản xuất, logistics đến dịch vụ bán lẻ và thương mại quốc tế. Công nghệ blockchain đặc biệt được nhấn mạnh vì khả năng tạo ra “dấu

vân tay số” (digital fingerprint) cho mỗi tài liệu, giúp bảo mật dữ liệu và giữ nguyên tính toàn vẹn thông tin xuyên suốt chuỗi cung ứng.

### **Lợi ích cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý**

Việc áp dụng hướng dẫn mới được kỳ vọng mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Đối với doanh nghiệp, truy xuất chuỗi cung ứng số giúp nâng cao độ tin cậy của dữ liệu, tối ưu quy trình quản lý hàng tồn kho, giảm thiểu rủi ro gian lận hay sai sót trong hồ sơ chứng nhận sản phẩm. Điều này đặc biệt quan trọng khi doanh nghiệp tham gia vào thị trường xuất khẩu hoặc các hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt.

Đối với cơ quan quản lý, các bước xác thực và giám sát theo tiêu chuẩn giúp cải thiện hiệu quả thanh tra, kiểm tra hàng hóa tại cửa khẩu, đồng thời giảm thiểu chi phí và thời gian xử lý thủ tục hành chính. Việc xây dựng khuôn khổ truy xuất rõ ràng cũng thúc đẩy hợp tác giữa nhà quản lý, doanh nghiệp, tổ chức chứng nhận và nhà cung cấp công nghệ.

Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, nhiều nền kinh tế lớn và các tổ chức quốc tế cũng đang nhấn mạnh tầm quan trọng của tiêu chuẩn và chuỗi cung ứng minh bạch. Hướng dẫn mới của ASTM International theo đó không chỉ đơn thuần là tài liệu kỹ thuật, mà còn là cầu nối giữa doanh nghiệp, công nghệ và quản lý, giúp tạo ra một môi trường thương mại minh bạch, hiệu quả và bền vững hơn trong kỷ nguyên số./

0

## **CHUẨN HÓA THIẾT KẾ ĐỂ KHÉP KÍN VÒNG ĐỜI SẢN PHẨM**

Trong bối cảnh tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt và môi trường bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi mô hình sản xuất tuyến tính “khai thác - sử dụng -

thải bỏ”, tư duy thiết kế tuần hoàn đang nổi lên như một giải pháp then chốt cho phát triển bền vững. Tuy nhiên, để biến thiết kế tuần hoàn từ nguyên lý thành

**thực tiễn, tiêu chuẩn hoá thiết kế tuần hoàn đóng vai trò không thể thiếu, giúp nhà sản xuất phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường, kéo dài vòng đời sản phẩm và giảm phát sinh chất thải.**



Trước khi trở thành thuật ngữ kỹ thuật trong thế kỷ XXI, người xưa đã tự bản thân áp dụng các nguyên tắc gần gũi như tái sử dụng, sửa chữa và tái chế các vật dụng trong đời sống hàng ngày để tiết kiệm tài nguyên. Những vật dụng như quần áo, đồ gỗ hay vật dụng gia đình thường được sửa chữa khi hỏng và tận dụng từng bộ phận khi không còn khả năng phục hồi - đây là những yếu tố cốt lõi của tư duy tuần hoàn truyền thống.

Tuy nhiên, với tốc độ sản xuất và tiêu dùng hiện đại cùng sự gia tăng nhanh chóng của chất thải, tư duy “tận dụng” truyền thống là chưa đủ. Thiết kế tuần hoàn yêu cầu hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng, giúp định hướng quá trình thiết kế sản phẩm ngay từ giai đoạn đầu, đảm bảo tối ưu hóa vòng đời sử dụng và hạn chế tối đa lượng chất thải cuối cùng.

Tiêu chuẩn hoá thiết kế tuần hoàn cung cấp một khuôn khổ cho doanh nghiệp, nhà thiết kế và cơ quan quản lý để: Định nghĩa rõ tiêu chí về bền vững của sản phẩm ngay từ quá trình thiết kế; Đánh giá và kiểm chứng các yêu cầu kỹ thuật liên quan tới

khả năng sửa chữa, tái sử dụng hay tái chế của sản phẩm; Tạo sự nhất quán trong mang lại giá trị môi trường cho sản phẩm suốt vòng đời sử dụng.

Thiết kế tuần hoàn còn giúp doanh nghiệp nhận diện các yếu tố chiến lược trong giai đoạn đầu của quá trình sản xuất - từ lựa chọn nguyên liệu, cấu trúc vật liệu, khả năng tháo lắp tới việc xử lý sau sử dụng. Việc xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể đảm bảo sản phẩm sau khi thiết kế không chỉ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật mà còn đạt mục tiêu bền vững.

Một tiêu chuẩn thiết kế tuần hoàn không chỉ hướng đến yếu tố kỹ thuật mà còn thúc đẩy sự hợp tác giữa các bên liên quan trong chuỗi sản xuất, từ nhà cung cấp nguyên liệu, cơ sở sản xuất, tới hệ thống thu hồi và tái chế. Sự phối hợp này giúp hạn chế tối đa việc “đứt gãy” thông tin về tài nguyên, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm phát thải trong toàn bộ chu trình sản xuất - tiêu dùng - tái chế.

Trong nhiều ngành công nghiệp, đặc biệt là những ngành tạo ra lượng chất thải lớn như dệt may, điện tử, xây dựng hay y tế, tiêu chuẩn thiết kế tuần hoàn giúp doanh nghiệp xác định các chỉ tiêu về tính bền vững ngay từ thiết kế. Điều này không chỉ đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế về sản phẩm “xanh” mà còn tạo lợi thế cạnh tranh lâu dài.

Theo đánh giá của các chuyên gia, tiêu chuẩn hoá thiết kế tuần hoàn là bước đi quan trọng giúp doanh nghiệp tích hợp các yếu tố bền vững vào chiến lược sản xuất. Khi thiết kế sản phẩm theo nguyên lý tuần hoàn, các yếu tố như tuổi thọ sản phẩm, khả năng sửa chữa, tái sử dụng linh kiện và khả năng tái chế cuối vòng đời được đưa vào

cân nhắc ngay từ đầu, giúp giảm nguồn lực tiêu thụ và chất thải phát sinh.

Hơn nữa, tiêu chuẩn hoá cũng tạo ra ngôn ngữ chung cho các bên liên quan trong chuỗi cung ứng - giúp doanh nghiệp sản xuất và người tiêu dùng hiểu rõ hơn về

giá trị môi trường thực sự của sản phẩm. Điều này có thể tạo ra động lực lớn cho việc phát triển sản phẩm tuần hoàn và thúc đẩy quyết định tiêu dùng có trách nhiệm hơn trong xã hội./.

0

## TCVN 14169: 2024 – HƯỚNG DẪN THIẾT LẬP KHUNG RA QUYẾT ĐỊNH CHIA SẺ DỮ LIỆU TRONG ĐÔ THỊ THÔNG MINH

**TCVN 14169:2024 về Đô thị thông minh - Hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định đối với chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin là một tiêu chuẩn quan trọng, cung cấp định hướng toàn diện cho các đô thị trong việc xây dựng khung ra quyết định liên quan đến chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin.**

ra bởi nhiều cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp khác nhau, bài toán đặt ra không chỉ là thu thập mà còn là chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu một cách hiệu quả, an toàn và có trách nhiệm.

Thực tế cho thấy, việc chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin giữa các đơn vị trong đô thị hiện nay vẫn còn thiếu sự thống nhất.



Mỗi cơ quan có thể xây dựng hệ thống theo cách riêng, sử dụng định dạng dữ liệu khác nhau, áp dụng quy trình cấp quyền truy cập khác nhau. Điều này dễ dẫn đến tình trạng phân mảnh dữ liệu, trùng lặp đầu tư, lãng phí nguồn lực và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thông tin. Quan trọng hơn, khi dữ liệu không đầy đủ hoặc bị hiểu sai, các quyết định quản lý đô thị có thể bị sai lệch, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, các đô thị Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế phát triển theo hướng thông minh, kết nối và dựa trên dữ liệu. Hạ tầng số, cảm biến IoT, nền tảng quản lý tập trung, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống phân tích dữ liệu lớn đang tạo ra một khối lượng dữ liệu khổng lồ mỗi ngày. Tuy nhiên, khi dữ liệu được tạo

Nhằm giải quyết những thách thức đó, TCVN 14169:2024 về Đô thị thông minh – Hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định đối với chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin (Smart cities – Guide to establishing a decision-making framework for sharing data and information services) đã được ban hành. Đây là một tiêu chuẩn quan trọng, cung cấp định hướng toàn diện cho các đô

thị trong việc xây dựng khung ra quyết định liên quan đến chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin.

Cụ thể, tiêu chuẩn đưa ra hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định đối với chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin, bao gồm: các kiểu dữ liệu trong đô thị thông minh; thiết lập cách thức chia sẻ dữ liệu; chuỗi giá trị dữ liệu - vai trò và trách nhiệm; các mục đích sử dụng dữ liệu; truy nhập các trạng thái dữ liệu; định nghĩa các quyền truy nhập dữ liệu; và định dạng dữ liệu/định dạng truyền tải.

TCVN 14169:2024 có mục tiêu hỗ trợ việc chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin trong các đô thị. Đối với một số đô thị cũng sẽ cần thiết lập các thỏa thuận chia sẻ dữ liệu cụ thể, đặc biệt khi dữ liệu được chia sẻ bởi nhiều tổ chức cùng một lúc. Đồng thời, tiêu chuẩn này hỗ trợ phương pháp minh bạch để đưa ra quyết định và tạo ra các thỏa thuận chia sẻ dữ liệu cụ thể nhằm nhận được đầy đủ lợi ích, giá trị của dữ liệu và các dịch vụ thông tin trong đô thị.

Việc thiếu dữ liệu hoặc biên dịch sai dữ liệu có thể dẫn đến các hành động sai được thực hiện bởi những người ra quyết định. Khung quyết định đối với việc chia sẻ dữ liệu có thể hỗ trợ đảm bảo rằng người ra

quyết định có dữ liệu tổng thể tốt nhất để đưa ra các quyết định.

Cần lưu ý rằng, TCVN 14169:2024 không bao gồm các vấn đề liên quan đến bảo mật quốc gia; không quy định thực hành tốt trong việc sử dụng dữ liệu bởi công dân; không đề cập đến các thỏa thuận liên thông hiện tại giữa các đô thị; không xác định các mạng giao diện lập trình ứng dụng (API); cũng như không thay thế các quy tắc và quy định chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quyền hạn cụ thể. Thay vào đó, tiêu chuẩn tập trung vào việc xây dựng khung ra quyết định – tức là nền tảng tư duy và phương pháp luận để các đô thị tự thiết kế cơ chế phù hợp với bối cảnh của mình.

Tiêu chuẩn áp dụng cho các nhà ra quyết định trong đô thị thông minh, bao gồm khu vực công, khu vực tư nhân và các bên thứ ba. Đồng thời, các tổ chức đô thị có nhu cầu chia sẻ dữ liệu cũng có thể sử dụng tiêu chuẩn như một công cụ tham chiếu quan trọng trong quá trình xây dựng chính sách và thỏa thuận hợp tác.

Trong bối cảnh dữ liệu ngày càng trở thành “tài nguyên mới” của đô thị, việc thiết lập một khung ra quyết định rõ ràng, minh bạch và có hệ thống là điều kiện tiên quyết để tránh lãng phí, giảm rủi ro và nâng cao

chất lượng quản trị. Sự ra đời của

TCVN

14169:2024 vì vậy không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật, mà còn là bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện nền tảng pháp lý và quản trị cho phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam./.

0



## TCVN 13167:2025 VỀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

**TCVN 13167:2025 về Truy xuất nguồn gốc - Các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc là cơ sở để kiểm tra các thành phần chính truy xuất nguồn gốc và thiết kế khung hệ thống truy xuất nguồn gốc, định danh, thu thập và chia sẻ thông tin truy xuất nguồn gốc giữa các đối tác thương mại trong chuỗi cung ứng mở rộng.**



Hiện nay, công cụ phân tích khoảng trống về truy xuất nguồn gốc đóng vai trò quan trọng đối với mọi tổ chức sản xuất hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ phải đáp ứng các mục tiêu của khách hàng, các yêu cầu luật định và mục tiêu hoạt động. Hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện hành của tổ chức có thể được kiểm tra thông qua công cụ thiết thực với các hướng dẫn đảm bảo dữ liệu và thông tin cần thiết được ghi lại và được phản ánh dọc theo chuỗi cung ứng, từ điểm sản xuất đến khách hàng.

Danh mục kiểm tra truy xuất nguồn gốc tại các điểm kiểm soát và các tiêu chí

đánh giá là công cụ được xây dựng để cải tiến liên tục các hệ thống truy xuất nguồn gốc sử dụng các tiêu chuẩn toàn cầu. Công cụ này giúp đảm bảo sự tuân thủ đối với các yêu cầu bắt buộc về truy xuất nguồn gốc trong hệ thống quản lý chất lượng và đánh giá chúng theo các tiêu chuẩn toàn cầu và các quy định về truy xuất nguồn gốc quan trọng khác.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc cần được hỗ trợ bởi các biện pháp thực hành tốt nhất theo nhu cầu của từng lĩnh vực, các quy định quốc tế và tiêu chuẩn toàn cầu. Mức độ phức tạp của hệ thống có thể khác nhau tùy thuộc vào vị trí của nó trong chuỗi cung ứng (nhà cung cấp, cơ sở sản xuất, nhà phân phối, cơ sở bán lẻ, ...), đặc tính của sản phẩm và mục tiêu sản xuất, kinh doanh yêu cầu.

Theo đó, TCVN 13167:2025 về Truy xuất nguồn gốc - Các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc được ban hành, là cơ sở để kiểm tra các thành phần chính truy xuất nguồn gốc và thiết kế khung hệ thống truy xuất nguồn gốc, định danh, thu thập và chia sẻ thông tin truy xuất nguồn gốc giữa các đối tác thương mại trong chuỗi cung ứng mở rộng.

Tiêu chuẩn này quy định các tiêu chí đánh giá đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm và phi thực phẩm. Đồng thời xác định các yếu tố cần thiết để xây dựng các biện pháp thực hành đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm cần truy xuất nguồn gốc.



Các tiêu chí đánh giá thể hiện dưới dạng danh mục kiểm tra (checklist), được thiết kế để áp dụng và/hoặc xem xét hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện hành của tổ chức, bao gồm cơ sở sản xuất, cơ sở sơ chế, cơ sở chế biến, nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho chuỗi cung ứng.

TCVN 13167:2025 áp dụng cho các tổ chức sau đây: cơ sở sản xuất bao bì và vật chứa; nông dân/cơ sở trồng trọt, chăn nuôi; cơ sở xuất khẩu và nhập khẩu; cơ sở cung cấp dịch vụ logistic; cơ sở sản xuất/cơ sở chế biến; cơ sở bán lẻ; cơ sở cung cấp dịch vụ

lưu kho và ký gửi; cơ sở cung cấp dịch vụ logistic bên thứ ba; cơ sở vận chuyển; cơ sở bán buôn.

Việc mở rộng phạm vi áp dụng cho thấy truy xuất nguồn gốc không còn là trách nhiệm riêng của một mắt xích, mà là yêu cầu chung của toàn bộ hệ sinh thái sản xuất - phân phối. Chỉ khi mọi thành phần trong chuỗi cùng tham gia và tuân thủ các tiêu chí thống nhất, hệ thống truy xuất nguồn gốc mới thực sự phát huy

hiệu quả.

TCVN 13167:2025 thay thế TCVN 13167:2020. TCVN 13167:2025 được xây dựng trên cơ sở tham khảo tài liệu GS1 Global traceability compliance criteria Standard (2021). TCVN 13167:2025 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F3 Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố./.

0

## BƯỚC TIẾN MỚI TRONG TIÊU CHUẨN NHIÊN LIỆU SẠCH

**Trong bối cảnh thế giới đang nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang năng lượng**

**sạch, một chuẩn mực quan trọng vừa được thiết lập nhằm chuẩn hóa chất lượng nhiên liệu carbon thấp trên quy mô toàn cầu.**



ASTM International - cơ quan tiêu chuẩn hóa uy tín toàn cầu đã chính thức ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật mang ký hiệu D8651, đặt nền tảng cho một bộ tiêu chí thống nhất về chất lượng nhiên liệu carbon thấp. Đây được xem như bước ngoặt trong nỗ lực nhằm hướng tới giảm phát thải trong lĩnh vực giao thông vận tải và năng lượng nói chung.

Theo nội dung tiêu chuẩn, D8651 áp dụng cho các loại nhiên liệu như ethanol chưa biến tính - một nhiên liệu tái tạo có lượng carbon phát thải thấp so với nhiên liệu truyền thống. Trước đây, ethanol và các nhiên liệu tương tự chỉ tuân theo các quy định riêng lẻ ở từng khu vực, khiến việc sản xuất, trao đổi và thương mại hóa trên thị trường quốc tế gặp nhiều bất cập. Với tiêu chuẩn mới, yêu cầu chất lượng sẽ được làm rõ và đồng nhất, tạo thuận lợi cho toàn bộ chu trình sản xuất - thương mại - sử dụng nhiên liệu carbon thấp.

Ethanol từ lâu đã được sử dụng như một chất bổ sung trong xăng để cải thiện chỉ số octan và góp phần giảm khí thải ô nhiễm. Hiện nhiên liệu này đang được áp dụng tại gần 60 quốc gia trên thế giới và ngày càng được nhiều quốc gia mới triển khai trong các chương trình năng lượng sạch. Tiêu chuẩn D8651 không chỉ giúp nhà sản xuất và thương nhân biết rõ những thông số kỹ thuật cần thiết mà còn giúp chính phủ và cơ quan quản lý có cơ sở pháp

lý thống nhất để đánh giá, tương thích và kiểm soát hoạt động nhiên liệu carbon thấp.

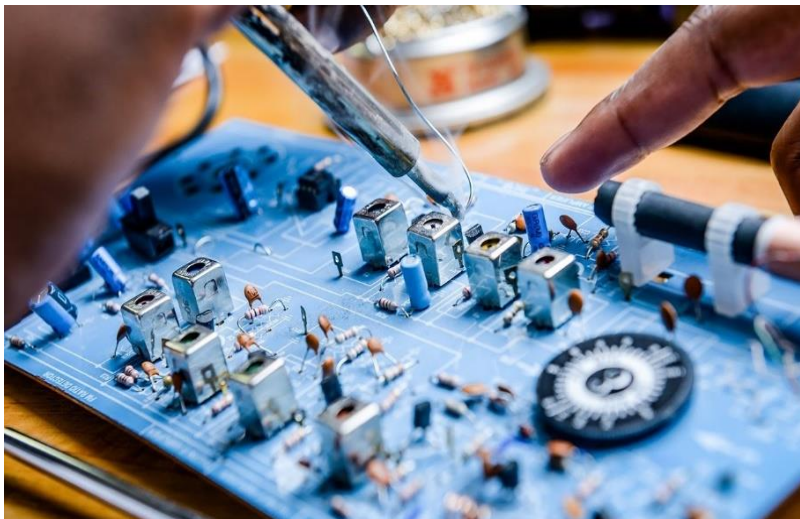
Giới chuyên gia nhận định việc xây dựng tiêu chuẩn toàn cầu cho nhiên liệu carbon thấp là cốt lõi để thúc đẩy thị trường nhiên liệu sạch phát triển bền vững, đồng thời hỗ trợ tiến trình khử carbon trong ngành vận tải - một trong những nguồn phát thải khí nhà kính lớn nhất. Với đặc tính nhiên liệu tái tạo và giảm phát thải, nhiên liệu carbon thấp như ethanol có thể góp phần đáng kể vào các mục tiêu khí hậu quốc tế, đặc biệt khi các nước đặt mục tiêu net zero (trung hòa carbon) vào giữa thế kỷ.

Với sự ra đời của tiêu chuẩn D8651, thị trường nhiên liệu carbon thấp bước sang giai đoạn mới, tạo sự minh bạch, nhất quán và thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phát triển năng lượng bền vững. Đây cũng được xem như “cơ chế cầu nối” quan trọng giữa chính sách, sản xuất và thị trường - từ đó góp phần đẩy mạnh thương mại toàn cầu./

0

## TCVN 14460:2025 - THÚC ĐẨY THIẾT KẾ SẢN PHẨM ĐIỆN, ĐIỆN TỬ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

**TCVN 14460:2025 cung cấp thông tin về việc lựa chọn và sử dụng hiệu quả vật liệu trong các sản phẩm điện và điện**



**tử, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.**

Trong bối cảnh tài nguyên thiên nhiên ngày càng suy giảm và áp lực môi trường gia tăng, việc sử dụng vật liệu hiệu quả không còn là lựa chọn mà trở thành yêu cầu tất yếu đối với mọi cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Theo đó, TCVN 14460:2025 về Hướng dẫn các xem xét về hiệu quả sử dụng vật liệu trong thiết kế có ý thức về môi trường đối với các sản phẩm điện và điện tử (Guidance on material efficiency considerations in environmentally conscious design

of electrical and electronic products) đã được ban hành.

Tiêu chuẩn này cung cấp thông tin về việc lựa chọn và sử dụng hiệu quả vật liệu trong các sản phẩm điện và điện tử. Thiết kế có ý thức về môi trường (Environmentally Conscious Design - ECD) có thể tiến hành theo cách mà các khía cạnh đều được tính đến trong giai đoạn thiết kế bao gồm loại vật liệu, lượng vật liệu, khả năng thay thế vật liệu, vật liệu tái tạo, khả năng tái chế vật liệu, khả năng phục hồi vật liệu và độ bền của sản phẩm.

Các chuyên gia đánh giá, TCVN 14460:2025 góp phần mang lại giá trị kinh tế cho doanh nghiệp. Thiết kế sản phẩm bền hơn, dễ sửa chữa và dễ tái chế giúp giảm chi

phí xử lý cuối vòng đời, đồng thời nâng cao hình ảnh thương hiệu gắn với trách nhiệm xã hội. Hiện, nhiều thị trường xuất khẩu áp dụng các yêu cầu nghiêm ngặt về môi trường, việc tuân thủ tiêu chuẩn tương đương quốc tế sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh.

TCVN 14460:2025 hoàn toàn tương đương với IEC TR 62824:2016. TCVN 14460:2025 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/E3 Thiết bị điện tử dân dụng biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố./.

0

## QUY ĐỊNH CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

**Ngày 16/01/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.**



Nghị định này quy định chi tiết Điều 5, Điều 7b, Điều 8a, khoản 4 Điều 8b, Điều 8c, Điều 11a, Điều 14, Điều 17, Điều 19, điểm c khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 25, điểm c khoản 1 Điều 27, Điều 29, Điều 32, Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 44, Điều 51, Điều 57, Điều 71 của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi,

bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật) và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật về tham vấn trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; đánh chính tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; phổ biến tiêu chuẩn quốc gia; công bố tiêu chuẩn áp dụng; đăng ký quy chuẩn kỹ thuật; công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

Nghị định quy định nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, cụ thể như sau:

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được xây dựng, quản lý theo hướng kết nối, tập trung, thống

nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương;

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được xây dựng, cập nhật nhằm cung cấp, chia sẻ, đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp;

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đáp ứng các yêu cầu xây dựng, áp dụng, phổ biến, quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, mức độ sẵn sàng của hệ thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu tổ chức, cá nhân, thuận lợi cho việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, tra cứu, khai thác, sử dụng; bảo đảm kết nối, chia sẻ, quyền khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác;

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng không áp dụng đối với đối tượng là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Nghị định quy định dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, bao gồm 07 thông tin chính sau:

a) Dữ liệu về tiêu chuẩn bao gồm: danh mục về tiêu chuẩn quốc gia; điểm truy xuất tới cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; thông tin về tiêu chuẩn cơ sở của các tổ chức, hội, hiệp hội, doanh nghiệp; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn; kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia;

b) Dữ liệu về quy chuẩn kỹ thuật bao gồm: danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; danh mục quy chuẩn kỹ

thuật địa phương và nội dung của quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật; kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật;

c) Dữ liệu về Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: danh sách các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; danh sách thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: họ tên, học hàm, học vị, thành viên; quá trình công tác; kinh nghiệm công tác; thời hạn hoạt động; các tiêu chuẩn đã tham gia xây dựng; danh sách chuyên gia Việt Nam tham gia vào các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế; danh sách các tiêu chuẩn quốc tế mà thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia đã tham gia xây dựng;

d) Dữ liệu về đo lường bao gồm: danh mục các chuẩn đo lường đã được chứng nhận, phê duyệt; danh mục các phương tiện đo đã được phê duyệt mẫu; danh sách kiểm định viên đo lường; danh sách các tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; danh sách các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định; thông tin về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 do tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định thực hiện; thông tin về hoạt động hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1 do các tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thực hiện; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đo lường;

đ) Dữ liệu về hoạt động đánh giá sự phù hợp bao gồm: danh sách tổ chức công nhận đã đăng ký; danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định, danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký, danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận; danh sách công bố hợp chuẩn

đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của tổ chức, cá nhân có liên quan (thông tin bao gồm: tên sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tên, số hiệu tiêu chuẩn tương ứng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo); danh sách công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của tổ chức, cá nhân có liên quan (thông tin bao gồm: tên sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo); thông tin về hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, thử nghiệm, giám định, xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận do các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện; thông tin về hoạt động chứng nhận

hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định thực hiện; thông tin về hoạt động công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp của tổ chức công nhận; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đánh giá sự phù hợp.

e) Dữ liệu về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của quốc gia bao gồm thông tin sau: nội dung cam kết rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp (STRACAP) trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; danh mục thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Việt Nam; tin tức về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

g) Thông tin phản ánh, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Hạ tầng công nghệ thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bao gồm các thành phần sau: hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; hệ thống cơ sở dữ liệu; hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý; hệ thống, phần mềm quản lý, khai thác, cung cấp dịch vụ./.

0

## **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỪA GIÀ QUẢ TƯƠI THEO TCVN 14428:2025, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỊ TRƯỜNG**

Dừa quả tươi là mặt hàng nông sản có giá trị kinh tế và nhu cầu tiêu thụ lớn, song yêu cầu về chất lượng và an toàn ngày càng cao. Vì vậy, TCVN 14428:2025 được ban hành, hài hòa với ASEAN STAN 56:2018, nhằm tạo cơ sở kỹ thuật thống nhất cho phân loại, kiểm soát chất lượng và lưu thông sản phẩm.

Việt Nam là một trong những quốc gia có diện tích trồng dừa lớn tại khu vực Đông Nam Á, tập trung chủ yếu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền

Trung. Dừa già quả tươi – loại dừa đã đạt độ chín sinh lý hoàn toàn – được sử dụng rộng rãi để lấy cơm dừa, ép dầu, chế biến thực phẩm và phục vụ xuất khẩu. Đây là mặt hàng có giá trị kinh tế cao, đóng góp đáng kể vào thu nhập của người nông dân và kim ngạch xuất khẩu nông sản.

Tuy nhiên, chuỗi giá trị dừa già hiện nay vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Hoạt động sản xuất phần lớn dựa vào quy mô hộ gia đình, phân tán, thiếu liên kết vùng nguyên liệu ổn định. Chất lượng quả dừa giữa các lô



hàng chưa đồng đều, kích thước, độ dày cơm, hàm lượng dầu và độ khô khác nhau, gây khó khăn cho chế biến và thương mại hóa. Công tác phân loại sau thu hoạch còn đơn giản, chủ yếu dựa trên kinh nghiệm, thiếu tiêu chí thống nhất.

Bên cạnh đó, khâu bảo quản và vận chuyển dừa tươi chưa được chú trọng đúng mức. Quả dừa nếu không được làm sạch, xử lý và bảo quản đúng cách có thể bị nứt vỏ, nấm mốc hoặc giảm chất lượng cơm dừa. Đối với thị trường xuất khẩu, các yêu cầu về ngoại quan, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và đồng đều chất lượng ngày càng khắt khe. Việc thiếu tiêu chuẩn thống nhất khiến doanh nghiệp gặp khó khăn khi đàm phán thương mại hoặc đáp ứng các rào cản kỹ thuật.

Trong bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu, sản phẩm dừa không chỉ cạnh tranh về giá mà còn về chất lượng và mức độ tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế. Điều này đặt ra yêu cầu cần có một bộ tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn khu vực ASEAN nhằm tạo nền tảng pháp lý và kỹ thuật cho sản xuất, phân loại và lưu thông dừa già quả tươi.

Xuất phát từ yêu cầu này, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14428:2025 được xây dựng

trên cơ sở hài hòa với ASEAN STAN 56:2018, quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với dừa già quả tươi dùng cho tiêu dùng trực tiếp hoặc cung cấp cho chế biến. Tiêu chuẩn áp dụng cho quả dừa đã đạt độ trưởng thành thích hợp, còn nguyên vẹn, chưa qua chế biến.

Theo đó, dừa phải bảo đảm còn nguyên quả, không

nứt vỡ nghiêm trọng, không bị sâu bệnh hoặc hư hỏng ảnh hưởng đến chất lượng bên trong. Vỏ ngoài phải sạch, không có dấu hiệu nấm mốc hoặc mùi lạ. Cơm dừa bên trong phải đạt độ dày, màu sắc và trạng thái phù hợp với giống và mức độ chín sinh lý.

Tiêu chuẩn cũng đưa ra quy định về phân hạng chất lượng dựa trên kích thước, khối lượng, mức độ đồng đều và tình trạng ngoại quan. Các yêu cầu về bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản được đề cập nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình lưu thông. Đồng thời, dừa già quả tươi phải tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn thực phẩm, bao gồm giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và các chỉ tiêu vệ sinh liên quan.

Việc ban hành TCVN 14428:2025 góp phần hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đối với nông sản chủ lực, tạo cơ sở cho quản lý chất lượng thống nhất từ sản xuất đến tiêu thụ. Sự hài hòa với tiêu chuẩn ASEAN không chỉ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của dừa Việt Nam mà còn thúc đẩy thương mại nội khối, hướng tới phát triển bền vững và giá trị gia tăng cao hơn cho ngành dừa./.

## CHUẨN HÓA CHẤT LƯỢNG RAU MUỐNG TƯƠI THEO TCVN 14427:2025

**Nhằm nâng cao chất lượng và an toàn thực phẩm đối với rau muống tươi, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành TCVN 14427:2025, được xây dựng hài hòa với ASEAN STAN 46:2015, góp phần thúc đẩy thương mại minh bạch và phát triển nông nghiệp bền vững trong nước và khu vực.**



Rau muống là một trong những loại rau ăn lá phổ biến nhất tại Việt Nam, xuất hiện thường xuyên trong bữa ăn gia đình và được tiêu thụ với sản lượng lớn mỗi ngày. Nhờ đặc tính dễ trồng, thời gian sinh trưởng ngắn, chi phí đầu tư thấp và phù hợp nhiều điều kiện thổ nhưỡng, rau muống được canh tác rộng rãi từ quy mô hộ gia đình đến sản xuất hàng hóa tập trung. Tuy nhiên, chính tính phổ biến và vòng đời ngắn lại khiến việc kiểm soát chất lượng loại rau này gặp không ít thách thức.

Thực tế cho thấy, mô hình sản xuất rau muống hiện nay còn phân tán, nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ về quy trình kỹ thuật. Ở nhiều địa phương, nông dân vẫn dựa chủ yếu vào kinh nghiệm truyền thống trong chăm sóc, thu hoạch và bảo quản. Việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chưa được kiểm soát chặt chẽ có thể dẫn đến tồn dư hóa chất vượt ngưỡng cho phép, ảnh hưởng đến

sức khỏe người tiêu dùng và uy tín của ngành rau. Đặc biệt, rau muống là loại rau sinh trưởng nhanh, dễ hấp thụ chất dinh dưỡng và cả tạp chất trong môi trường nước, do đó nguy cơ ô nhiễm kim loại nặng hoặc vi sinh vật nếu nguồn nước không bảo đảm là vấn đề đáng lưu tâm.

Bên cạnh đó, khâu thu hoạch, sơ chế và vận chuyển còn tồn tại nhiều hạn chế. Rau thường được bó, xếp và vận chuyển thủ công, thiếu điều kiện bảo quản thích hợp, dẫn đến dập nát, úa vàng hoặc nhiễm bẩn trong quá trình lưu thông. Ở chợ truyền thống, việc phân loại, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc gần như chưa được thực hiện đầy đủ. Điều này gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc kiểm soát chất lượng, đồng thời làm giảm niềm tin của người tiêu dùng.

Trong bối cảnh hội nhập, yêu cầu từ thị trường ngày càng khắt khe hơn. Không chỉ dừng ở yếu tố tươi ngon, rau muống thương mại hóa còn phải đáp ứng tiêu chí về đồng đều kích thước, màu sắc, độ non, mức độ sạch và an toàn thực phẩm. Đối với xuất khẩu, việc thiếu tiêu chuẩn thống nhất có thể tạo rào cản kỹ thuật, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường khu vực.

Trước thực trạng đó, việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn quốc gia nhằm thống nhất yêu cầu kỹ thuật, tạo cơ sở cho sản xuất, kiểm tra và lưu thông rau muống tươi là hết sức cần thiết. Đây không chỉ là công cụ quản lý mà còn là nền tảng để nâng cao giá trị nông sản, hướng tới sản xuất chuyên nghiệp và bền vững.

Theo đó, tiêu chuẩn TCVN 14427:2025 về rau muống tươi được xây dựng trên cơ sở hài hòa với ASEAN STAN 46:2015, quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với rau

muống tươi dùng cho tiêu dùng trực tiếp hoặc cung cấp cho thị trường. Tiêu chuẩn này áp dụng cho rau muống thu hoạch từ các giống phổ biến, ở dạng tươi, chưa qua chế biến.

Tiêu chuẩn yêu cầu rau muống phải còn nguyên vẹn, tươi, không dập nát nghiêm trọng, không sâu bệnh, không lẫn tạp chất và không có mùi vị lạ. Thân và lá phải có màu sắc đặc trưng của giống, không bị úa vàng hoặc héo rũ quá mức. Tiêu chuẩn cũng đưa ra các mức phân hạng chất lượng dựa trên độ đồng đều, độ non, chiều dài thân và tình trạng lá, nhằm tạo cơ sở cho việc phân loại thương mại.

Ngoài yêu cầu về cảm quan, TCVN 14427:2025 còn nhấn mạnh đến an toàn thực phẩm, bao gồm việc tuân thủ giới hạn

dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và các chỉ tiêu vệ sinh theo quy định hiện hành. Quy định về bao gói, ghi nhãn và vận chuyển cũng được đề cập nhằm bảo đảm sản phẩm giữ được chất lượng trong suốt quá trình lưu thông.

Việc ban hành TCVN 14427:2025 không chỉ góp phần hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đối với rau, củ, quả mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại nội khối ASEAN thông qua sự hài hòa với ASEAN STAN 46:2015. Đây là bước đi quan trọng giúp nâng cao chất lượng rau muống tươi, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng an toàn, chuyên nghiệp và bền vững./.

0

## XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN AN TOÀN CHO BẬT LỬA THẾ HỆ MỚI

**Hoàn thiện khung kỹ thuật nhằm giảm thiểu rủi ro cháy nổ và thích ứng với sự phát triển của các dòng bật lửa điện, bật lửa khò công suất cao**



Trong bối cảnh thị trường xuất hiện ngày càng nhiều dòng bật lửa ứng dụng công nghệ mới, từ bật lửa điện tạo hồ quang đến các loại bật lửa khò ngọn lửa xanh công suất cao, ASTM International đã thông báo thành lập hai nhóm công tác chuyên trách nhằm phát triển các tiêu chuẩn an toàn phù

hợp với thực tiễn sản xuất và sử dụng hiện nay.

Cụ thể, các nhóm công tác trực thuộc Tiểu ban F15.02 về an toàn bật lửa sẽ tập trung xây dựng yêu cầu kỹ thuật đối với hai nhóm sản phẩm đang phát triển mạnh trên thị trường. Động thái này được đánh giá là cần thiết trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh chóng, trong khi các rủi ro liên quan đến cháy nổ, bỏng hoặc tai nạn gia đình vẫn luôn hiện hữu nếu sản phẩm không được thiết kế và kiểm soát đúng chuẩn mực an toàn.

Nhóm công tác thứ nhất sẽ nghiên cứu tiêu chuẩn dành cho bật lửa không ngọn lửa (flameless lighters) – loại sử dụng pin sạc để tạo tia hồ quang điện thay vì ngọn lửa truyền thống. Nhờ thiết kế gọn nhẹ, khả năng chống gió và tính tiện dụng cao, dòng sản phẩm này ngày càng được ưa chuộng. Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn điện và linh kiện điện tử đặt ra những yêu cầu mới về độ bền, cách điện, bảo vệ quá nhiệt cũng

như kiểm soát rủi ro trong quá trình sạc và sử dụng.

Trong khi đó, nhóm công tác thứ hai tập trung vào bật lửa dạng “torch” hoặc micro-torch – loại tạo ra ngọn lửa xanh mạnh và tập trung, thường được dùng để châm xì gà, trong hoạt động thủ công mỹ nghệ hoặc một số ứng dụng ẩm thực. Với cường độ lửa lớn hơn so với bật lửa thông thường, các sản phẩm này tiềm ẩn nguy cơ cao hơn nếu không có cơ chế kiểm soát nhiệt, khóa an toàn hoặc cấu tạo bình nhiên liệu đạt yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt.

Việc xây dựng các tiêu chuẩn mới không chỉ nhằm cập nhật công nghệ mà còn hướng tới mục tiêu dài hạn là giảm thiểu tai nạn liên quan đến bật lửa trong gia đình và môi trường sử dụng công cộng. Trước đây, tiêu chuẩn như ASTM F400 đã đặt nền tảng cho yêu cầu an toàn của bật lửa truyền thống. Tuy nhiên, sự xuất hiện của các thiết kế và nguyên lý hoạt động mới đòi hỏi khuôn khổ kỹ thuật tương thích hơn, bảo

đảm tính đồng bộ giữa đổi mới sáng tạo và bảo vệ người tiêu dùng.

ASTM International cũng kêu gọi sự tham gia của nhà sản xuất, chuyên gia kỹ thuật, cơ quan quản lý và các bên liên quan trong ngành để đóng góp ý kiến cho quá trình soạn thảo. Cách tiếp cận mở này được kỳ vọng sẽ giúp tiêu chuẩn khi ban hành vừa khả thi trong thực tiễn sản xuất, vừa đủ chặt chẽ để nâng cao mức độ an toàn chung của thị trường.

Trong dòng chảy phát triển của các sản phẩm tiêu dùng hiện đại, tiêu chuẩn không chỉ là công cụ quản lý mà còn là “hàng rào kỹ thuật mềm” định hình chất lượng và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Việc ASTM chủ động cập nhật khung tiêu chuẩn cho bật lửa thế hệ mới vì thế không đơn thuần là một hoạt động kỹ thuật, mà còn phản ánh xu hướng quản trị rủi ro và bảo vệ người tiêu dùng trong kỷ nguyên sản phẩm công nghệ hóa./.

0

## VÌ SAO CHÍNH PHỦ MỸ HỦY QUY ĐỊNH CHUẨN NHIÊN LIỆU ƯU ÁI XE ĐIỆN

**Chính phủ Mỹ vừa mới đưa ra quyết định hủy bỏ một quy định được cho là đã thổi phồng lợi ích tiết kiệm nhiên liệu của xe điện, qua đó giúp các hãng xe dễ dàng đáp ứng tiêu chuẩn tiết kiệm nhiên liệu liên bang.**



Theo Bộ Năng lượng Mỹ (DOE) điều khoản "fuel content factor" (hệ số quy đổi nhiên liệu) sẽ được khôi phục tính mức tiêu thụ nhiên liệu. Điều khoản này trước đây cho phép quy đổi điện năng sang mức tương đương xăng với hệ số có lợi cho EV, từ đó giúp nâng cao đáng kể chỉ số tiết kiệm nhiên liệu trung bình của toàn bộ danh mục sản phẩm một hãng xe.

Điều khoản về "hệ số quy đổi nhiên liệu" được cho là quy định ưu ái cho xe điện khiến chỉ số tiết kiệm nhiên liệu trung bình của toàn bộ danh mục sản phẩm một hãng xe.

DOE cho biết, một phán quyết của tòa phúc thẩm hồi tháng 9/2025, cơ quan này kết luận rằng "hệ số quy đổi nhiên liệu" là "trái luật" và sẽ ban

hành quy định nhằm loại bỏ ngay lập tức yếu tố này khỏi các phép tính tiêu chuẩn.

Trong nhiều năm, các tổ chức môi trường đã chỉ trích cách tính của DOE vì gán cho xe điện mức tiêu thụ nhiên liệu "phi thực tế cao", từ đó được sử dụng để tính mức trung bình toàn đội xe theo quy định của Chương trình Tiết kiệm Nhiên liệu Doanh nghiệp Liên bang (Corporate Average Fuel Economy - CAFE).

Trước đó, từ thời cựu Tổng thống Joe Biden, Chính phủ Mỹ từng đề xuất loại bỏ "hệ số quy đổi nhiên liệu" kể từ năm 2027. Nếu áp dụng, giá trị tuân thủ tiêu chuẩn của xe điện sẽ giảm khoảng 70%. Trước sức ép từ các hãng xe, DOE vào năm 2024 đã quyết

định loại bỏ dần hệ số này đến năm 2030 thay vì cắt bỏ ngay lập tức.

Việc hủy bỏ "hệ số quy đổi nhiên liệu" khiến các hãng xe phải điều chỉnh lại chiến lược sản phẩm trong những năm tới, đồng thời mang đến cơ hội cho khách hàng sở hữu xe xăng với mức giá hợp lý hơn.

Việc hủy bỏ "hệ số quy đổi nhiên liệu" được xem là bước đi quan trọng trong chiến lược đó, khi nó trực tiếp làm giảm lợi thế tuân thủ tiêu chuẩn nhiên liệu của xe điện và có thể khiến các hãng xe phải điều chỉnh lại chiến lược sản phẩm trong những năm tới./.

0

## PHÂN LOẠI RỦI RO ĐỂ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA HIỆU QUẢ HƠN

**Trước sự gia tăng nhanh chóng của hàng hóa lưu thông trên thị trường, đặc biệt qua các nền tảng thương mại điện tử (TMĐT) và chuỗi cung ứng xuyên biên giới, công tác quản lý chất lượng sản phẩm đang đối mặt với nhiều thách thức mới. Trong bối cảnh đó, Bộ Công Thương đang xây dựng và lấy ý kiến rộng rãi dự thảo Thông tư quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ.**

Sự phát triển mạnh mẽ của TMĐT đã làm thay đổi phương thức phân phối truyền thống. Hàng hóa hiện được rao bán, giao dịch và vận chuyển với tốc độ cao, phạm vi rộng, khó kiểm soát hơn trước. Điều này mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp mở rộng thị trường, tiếp cận khách hàng nhanh chóng, song cũng tạo áp lực lớn cho cơ quan quản lý trong việc bảo đảm chất lượng, nguồn gốc và tính tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.



Thực tế cho thấy, số lượng và chủng loại hàng hóa ngày càng đa dạng. Nếu áp dụng cùng một phương thức kiểm soát cho tất cả các nhóm sản phẩm sẽ vừa tốn nguồn lực, vừa kém hiệu quả. Một số nhóm hàng có nguy cơ cao, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, môi trường hoặc trật tự an toàn xã hội, cần được giám sát chặt chẽ. Ngược

lại, nhiều sản phẩm có mức độ rủi ro thấp, nếu kiểm soát quá nghiêm ngặt có thể làm phát sinh chi phí không cần thiết, cản trở lưu thông hàng hóa và hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

Chính vì vậy, dự thảo Thông tư mới định hướng quản lý theo nguyên tắc phân loại rủi ro. Cách tiếp cận này cho phép tập trung nguồn lực vào các nhóm sản phẩm có nguy cơ cao, đồng thời tạo thuận lợi hơn cho các mặt hàng ít rủi ro. Đây được xem là bước chuyển từ phương thức quản lý đồng loạt sang quản lý có trọng tâm, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng quản trị hiện đại.

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cùng với ban hành Nghị định 37/2026/NĐ-CP đã đặt nền tảng pháp lý cho việc đổi mới phương thức quản lý

chất lượng theo hướng hiện đại, minh bạch và dựa trên phân tích rủi ro. Dự thảo Thông tư lần này được xây dựng nhằm cụ thể hóa các quy định đó, đồng thời khắc phục những bất cập phát sinh trong quá trình thực thi thời gian qua.

Theo kế hoạch, Thông tư mới sẽ thay thế Thông tư 46/2015/TT-BCT và Thông tư 36/2019/TT-BCT, tạo lập khuôn khổ pháp lý thống nhất cho công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong các khâu sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường. Khi được ban hành, văn bản này kỳ vọng sẽ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đồng thời tạo môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển bền vững trong bối cảnh kinh tế số./.

0

## TIÊU CHUẨN MỚI VỀ AI TRONG QUẢN LÝ NHÂN SỰ

**Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi sâu sắc lĩnh vực quản trị nhân sự, đặc biệt trong hoạt động tuyển dụng và đánh giá ứng viên. Tuy nhiên, cùng với những lợi ích về tốc độ và hiệu quả, việc ứng dụng AI cũng đặt ra nhiều lo ngại liên quan đến thiên vị thuật toán, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Trong bối cảnh**

**đó, một tiêu chuẩn mới về AI trong lĩnh vực nhân sự đang được xây dựng, hứa hẹn tạo nền tảng chung cho việc sử dụng công nghệ này một cách công bằng và có kiểm soát.**

Tiêu chuẩn này do ASTM International khởi xướng thông qua Ủy ban Quản lý Nguồn nhân lực E63 (ASTM Committee E63). Theo thông báo chính thức, tiêu chuẩn đang được phát triển với mã dự án WK91420, tập trung vào việc hướng dẫn sử dụng AI trong quy trình tuyển dụng và phỏng vấn – từ sàng lọc hồ sơ, xây dựng câu hỏi, đến đánh giá và lựa chọn ứng viên.

Điểm cốt lõi của dự thảo tiêu chuẩn là thiết lập một khuôn khổ nhằm bảo đảm các hệ thống AI được sử dụng trong nhân sự phải dựa trên nguyên tắc công



bằng, nhất quán và có thể kiểm chứng. Thay vì chỉ chạy theo hiệu suất xử lý dữ liệu, tiêu chuẩn hướng tới việc cân bằng giữa năng lực công nghệ và yếu tố con người, đặt trọng tâm vào năng lực, hành vi và sự phù hợp thực chất của ứng viên với vị trí công việc.

Theo bà Sonia Johnson, Chủ tịch nhóm phát triển tiêu chuẩn, mục tiêu không chỉ dừng lại ở việc tạo ra một bộ hướng dẫn kỹ thuật, mà còn là xây dựng một phương pháp tiếp cận toàn diện, giúp quy trình tuyển dụng trở nên hiệu quả, đo lường được và giảm thiểu định kiến. Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp đang sử dụng AI để phân tích hồ sơ, chấm điểm phỏng vấn hoặc dự đoán khả năng gắn bó của nhân sự, việc có một bộ tiêu chuẩn chung sẽ giúp các tổ chức vận hành công nghệ này một cách có trách nhiệm hơn.

Một trong những vấn đề nổi cộm mà tiêu chuẩn mới hướng đến là nguy cơ thiên vị thuật toán. Nếu dữ liệu huấn luyện mang sẵn định kiến về giới tính, độ tuổi, chủng tộc hoặc hoàn cảnh xã hội, hệ thống AI có thể vô tình tái tạo và khuếch đại những bất bình đẳng đó. Vì vậy, dự thảo tiêu chuẩn nhấn mạnh yêu cầu đánh giá, kiểm thử và giám sát hệ thống AI một cách định kỳ, đồng thời bảo đảm tính minh bạch trong cách thức ra quyết định.

Bên cạnh đó, yếu tố tuân thủ pháp luật cũng được đặt lên hàng đầu. Trong nhiều quốc gia, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và chống phân biệt đối xử ngày càng chặt chẽ. Một tiêu chuẩn quốc tế về AI trong nhân sự sẽ giúp doanh nghiệp có cơ sở tham chiếu rõ ràng, giảm thiểu rủi ro pháp lý khi triển khai các công cụ tuyển dụng tự động./.

0

## TIÊU CHUẨN MỚI VỀ THAN ĐEN TÁI CHẾ: CÚ HÍCH CHO KINH TẾ TUẦN HOÀN NGÀNH LỐP XE

Một tiêu chuẩn mới do ASTM International ban hành đang mở ra bước tiến quan trọng trong việc chuẩn hóa và thương mại than đen tái chế

(recovered carbon black - rCB).

Than đen tái chế là sản phẩm tái chế từ lốp xe và các sản phẩm cao su đã qua sử dụng thông qua quá trình nhiệt phân. Sau



khi được xử lý để loại bỏ tạp chất như kim loại và sợi, vật liệu này có thể trở lại chuỗi sản xuất như một chất độn trong các hợp chất cao su mới. Tuy nhiên, rào cản lớn nhất của thị trường rCB trong thời gian qua chính là thiếu một hệ thống phân loại rõ ràng, khiến việc

đánh giá và so sánh chất lượng giữa các nhà cung cấp gặp nhiều khó khăn.

Tiêu chuẩn mới mang mã D8632, do Ủy ban ASTM Committee D36 phát triển, đã giải quyết khoảng trống này bằng cách thiết lập một hệ thống phân loại cụ thể cho rCB sử dụng trong các sản phẩm cao su, đặc biệt là lốp xe. Theo đó, ký hiệu phân loại bắt đầu bằng chữ “R” – đại diện cho recovered carbon black – theo sau là hai chỉ số phản ánh các đặc tính kỹ thuật quan trọng như mức độ truyền dẫn chất dung môi toluene và hàm lượng vô cơ. Cách tiếp cận này giúp tạo ra “ngôn ngữ chung” giữa bên mua và bên bán, tăng tính minh bạch trong giao dịch thương mại.

Theo ông Jorge Lacayo-Pineda, thành viên tham gia phát triển tiêu chuẩn, việc chuẩn hóa phân loại không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật mà còn góp phần thay đổi cách nhìn nhận về lốp xe đã qua sử dụng – từ chất thải thành nguồn tài nguyên có thể tái khai thác hiệu quả. Khi chất lượng rCB được xác định theo các tiêu chí thống nhất, niềm tin của nhà sản xuất vào vật liệu tái chế sẽ được củng cố, từ đó thúc đẩy nhu cầu sử dụng trên quy mô lớn.

Trên thực tế, lốp xe chứa tỷ lệ carbon đen đáng kể trong thành phần cấu tạo. Việc thu hồi và tái sử dụng nguồn vật liệu này

không chỉ giúp giảm lượng rác thải chôn lấp mà còn hạn chế sự phụ thuộc vào carbon đen nguyên sinh – vốn được sản xuất từ nhiên liệu hóa thạch và tiêu tốn nhiều năng lượng. Trong bối cảnh ngành công nghiệp toàn cầu hướng tới mục tiêu trung hòa carbon, những tiêu chuẩn như D8632 đóng vai trò như đòn bẩy kỹ thuật giúp các doanh nghiệp mạnh dạn chuyển đổi.

Trước đó, ASTM cũng đã phát triển các phương pháp thử nghiệm nhằm rút ngắn thời gian xác định hàm lượng tro trong rCB, giúp doanh nghiệp tiết kiệm đáng kể chi phí và thời gian kiểm định. Việc liên tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn cho thấy nỗ lực xây dựng một khung kỹ thuật đầy đủ, bao quát từ thuật ngữ, phân loại đến phương pháp thử, thay vì chỉ áp dụng các tiêu chuẩn vốn được thiết kế cho carbon đen truyền thống.

Sự ra đời của tiêu chuẩn mới không chỉ mang ý nghĩa đối với ngành lốp xe mà còn góp phần định hình thị trường vật liệu tái chế nói chung. Khi tiêu chuẩn hóa trở thành nền tảng, quá trình chuyển dịch sang mô hình sản xuất bền vững và tuần hoàn sẽ có thêm động lực để tăng tốc, biến thách thức môi trường thành cơ hội đổi mới công nghệ và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu./.

0

## NHIỀU NGHỊ ĐỊNH, QUY ĐỊNH HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH KHI NGHỊ ĐỊNH SỐ 22/2026/NĐ-CP CÓ HIỆU LỰC

**Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, nhiều Nghị định, Quyết định hết hiệu lực thi hành.**

Cụ thể, Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ

quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật sẽ hết hiệu lực. Trước đó, Nghị định 127 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, công bố tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá

nhân hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

Tiếp đến là Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cũng sẽ hết hiệu lực thi hành.

Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành cũng sẽ hết hiệu lực thi hành.

Ngoài ra, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56 và mục B Phụ lục V.1, Phụ lục V.2 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng sẽ hết hiệu lực thi hành khi Nghị định số 22/2026/NĐ-CP có hiệu lực./.

0



## CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 02/2026

❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA****TCVN 10303:2025**

Bê tông – Kiểm tra và đánh giá cường độ trên mẫu đúc  
Số trang:23

Thay thế:TCVN 10303:2014

**TCVN 1076:2025**

Gỗ xẻ – Thuật ngữ và định nghĩa liên quan đến hình dạng, kích thước  
Số trang:12

Thay thế:TCVN 1076:1986

**TCVN 12195-2-18:2025**

Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật – Phần 2-18: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định nấm đốm đen *Phyllosticta citicarpa* (McAlpine) Aa  
Số trang:24

**TCVN 12371-2-20:2025**

Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật – Phần 2-20: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định virus gây bệnh khảm dưa Pepino Potexvirus  
Số trang:20

**TCVN 12371-2-21:2025**

Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật – Phần 2-20: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định vi khuẩn gây bệnh vàng lá gân xanh *Candidatus Liberibacter asiaticus*  
Số trang:21

**TCVN 12848:2025**

Nông sản có nguồn gốc thực vật – Xác định đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng sắc ký khí và sắc ký lỏng sau khi xử lý mẫu bằng phương pháp QuEChERS  
Số trang:

Thay thế:TCVN 12848:2020

**TCVN 13434-2:2025**

Sơn phủ bề mặt sản phẩm gỗ – Phần 2: Nhóm sơn phenol  
Số trang:15

**TCVN 14104:2025**

Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Nguyên tắc đảm bảo khả năng chịu lửa và khả năng bảo toàn sau cháy  
Số trang:115

**TCVN 14374:2025**

Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Trichoderma koningii* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)  
Số trang:19

**TCVN 14375:2025**

Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Trichoderma viride* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)  
Số trang:19

**TCVN 14377:2025**

Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Metarhizium anisopliae* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng

giải trình tự gen

Số trang:19

**TCVN 14378:2025**

Thuốc bảo vệ thực vật – Định lượng *Streptomyces owasiensis* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng giải trình tự gen  
Số trang:25

**TCVN 14395:2025**

Tín hiệu phát thanh mặt đất công nghệ DAB+ – Yêu cầu kỹ thuật  
Số trang:10

**TCVN 14524:2025**

Bê tông - Kiểm tra và đánh giá cường độ trên kết cấu toàn khối và sản phẩm đúc sẵn  
Số trang:25

**TCVN 14525:2025**

Bê tông cường độ cao cho kết cấu toàn khối – Kiểm tra và đánh giá chất lượng  
Số trang:18

**TCVN 14533:2025**

Than tre hoạt tính – Yêu cầu chung  
Số trang:19

**TCVN 14534-1:2025**

Than tre – Phần 1: Yêu cầu chung  
Số trang:15

**TCVN 14534-2:2025**

Than tre – Phần 2: Sử dụng làm nhiên liệu  
Số trang:11

**TCVN 14534-3:2025**

Than tre – Phần 3: Sử dụng để

lọc không khí Số trang:12 <b>TCVN 14535:2025</b> Đồ nội thất văn phòng – Ghế văn phòng – Phương pháp xác định độ ổn định, độ bền và độ bền lâu Số trang:33 <b>TCVN 14536:2025</b> Đồ nội thất văn phòng – Ghế văn phòng – Phương pháp xác định kích thước Số trang:64 <b>TCVN 14544:2025</b> Rừng vùng ven biển – Tiêu chí và phương pháp xác định Số trang:19 <b>TCVN 14545:2025</b> Giống cây lâm nghiệp – Cây giống các loài cây ngập mặn Số trang: 44 Thay thế: TCVN 13362-1:2021, TCVN 13362-2:2021, TCVN 13362-3:2021, TCVN 13362-4:2021, TCVN 13362-5:2021 <b>TCVN 14546:2025</b> Giống cây lâm nghiệp – Cây giống các loài thông Số trang:28 Thay thế:TCVN 11872-1:2017; TCVN 11872-2:2020; TCVN 11872-3:2020 <b>TCVN 14547-1:2025</b> Ván sàn tre – Phần 1: Sử dụng trong nhà Số trang:22 <b>TCVN 14547-2:2025</b> Ván sàn tre – Phần 1: Sử dụng	ngoài trời Số trang:20 <b>TCVN 14548:2025</b> Hệ thống phân loại mây – Yêu cầu và phân hạng Số trang:16 <b>TCVN 14549-1:2025</b> Gỗ – Phương pháp định loại bằng công nghệ quang phổ khối lượng – Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa Số trang:12 <b>TCVN 14549-2:2025</b> Gỗ – Phương pháp định loại bằng công nghệ quang phổ khối lượng – Phần 2: Lấy mẫu Số trang:8 <b>TCVN 14549-3:2025</b> Gỗ – Phương pháp định loại bằng công nghệ quang phổ khối lượng – Phần 3: Xây dựng cơ sở dữ liệu Số trang:37 <b>TCVN 14549-4:2025</b> Gỗ – Phương pháp định loại bằng công nghệ quang phổ khối lượng – Phần 4: Định loại gỗ Số trang:9 <b>TCVN 14550:2025</b> Gỗ nguyên và gỗ dán – Xác định khả năng chống chịu thời tiết theo phương pháp lão hóa Số trang:21 <b>TCVN 14585:2025</b> Bê tông - Yêu cầu kỹ thuật Số trang:21 <b>TCVN 14586:2025</b> Hỗn hợp bê tông – Yêu cầu kỹ	thuật Số trang:25 Thay thế:TCVN 9340:2012 <b>TCVN 14596:2025</b> Quản lý rừng bền vững – Các yêu cầu Số trang:28 <b>TCVN 1758:2025</b> Gỗ xẻ – Phân hạng theo khuyết tật Số trang: 8 Thay thế:TCVN 1758:1986 <b>TCVN 9311-10:2025</b> Thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình – Phần 10: Các yêu cầu riêng đánh giá hiệu quả của vật liệu bảo vệ chịu lửa cho kết cấu thép Số trang:76  <b>❖ TIÊU CHUẨN ISO</b>  <b>ISO 10012:2026</b> Quality management — Requirements for measurement management systems Pages: 46 Replaces: ISO 10012:2003 <b>ISO 10249:2026</b> Fluid fertilizers — Preliminary visual examination and preparation of samples for physical testing Pages: 5 Replaces: ISO 10249:1996 <b>ISO 10318-1:2026</b> Geosynthetics Part 1: Vocabulary
--	--	---

<p>Pages: 8 Replaces: ISO 10318-1:2015/Amd 1:2018 <b>ISO 10360-102:2026</b> Geometrical product specifications (GPS) — Acceptance and reverification tests for coordinate measuring systems (CMS) Part 102: Grammar of symbols for metrological characteristics and their specifications Pages: 13 <b>ISO 10545-24:2026</b> Ceramic tiles Part 24: Tensile adhesion strength of fibre-combined multilayer ceramic tile and tile adhesive Pages: 6 <b>ISO 10604:2026</b> Road vehicles — Measuring procedure for aiming of luminous beams of front lighting devices Pages: 13 Replaces: ISO 10604:1993 <b>ISO 11295:2026</b> Plastics piping systems used for the rehabilitation of pipelines — Classification and overview of strategic, tactical and operational activities Pages: 69 Replaces: ISO 11295:2022 <b>ISO 1130:2026</b> Textiles — Sampling methods for fibres, yarns and fabrics for testing</p>	<p>Pages: 19 Replaces: ISO 1130:1975 <b>ISO 11300-1:2026</b> Piping systems for rehabilitation of underground drains, sewers and water supply networks Part 1: Polyethylene (PE) material Pages: 43 <b>ISO 11300-3:2026</b> Piping systems for rehabilitation of underground drains, sewers and water supply networks Part 3: Unplasticized poly (vinyl chloride) (PVC-U) material Pages: 19 <b>ISO 11378-2:2026</b> Textile floor coverings — Laboratory soiling Part 2: Drum test Pages: 8 Replaces: ISO 11378-2:2001/Amd 1:2017 <b>ISO 11925-2:2026</b> Reaction to fire tests — Ignitability of products subjected to direct impingement of flame Part 2: Single-flame source test Pages: 27 Replaces: ISO 11925-2:2020 <b>ISO 11979-1:2026</b> Ophthalmic implants — Intraocular lenses Part 1: Vocabulary Pages: 11</p>	<p>Replaces: ISO 11979-1:2018 <b>ISO 11979-4:2026</b> Ophthalmic implants — Intraocular lenses Part 4: Labelling and information Pages: 7 <b>ISO 11986:2026</b> Ophthalmic optics — Contact lenses and contact lens care products — Determination of preservative uptake and release Pages: 6 Replaces: ISO 11986:2017 <b>ISO 11987:2026</b> Ophthalmic optics — Contact lenses — Determination of shelf-life Pages: 7 Replaces: ISO 11987:2012 <b>ISO 12052:2026</b> Health informatics — Digital imaging and communication in medicine (DICOM) including workflow and data management Pages: 16 Replaces: ISO 12052:2017 <b>ISO 12251:2026</b> Diesel engines — Clamp mounted CR fuel injectors — Mounting dimensions Pages: 12 Replaces: ISO 12251:2017 <b>ISO 12940-1:2026</b> Petroleum products and lubricants — Determination of roll stability of lubricating grease</p>
--	---	--

Part 1: Dry condition test Pages: 8 <b>ISO 12940-2:2026</b> Petroleum products and lubricants — Determination of roll stability of lubricating grease	Part 4: Principles and requirements for bodies validating and verifying sustainability information Pages: 18 <b>ISO 14064-5:2026</b> Greenhouse gases	ISO 14644-14:2026 Cleanrooms and associated controlled environments Part 14: Assessment of suitability for use of equipment by airborne particle concentration Pages: 20 Replaces: ISO 14644-14:2016
Part 2: Wet condition test Pages: 9 <b>ISO 13182:2026</b> Classification for discrete polymer fibre for fibre-reinforced cementitious composites Pages: 6 <b>ISO 13332:2026</b> Reciprocating internal combustion engines — Test code for the measurement of structure-borne noise emitted from high-speed and medium-speed reciprocating internal combustion engines measured at the engine feet Pages: 22 Replaces: ISO 13332:2000	Part 5: Guidance on activities and techniques used remotely in conducting verification and validation of greenhouse gas statements Pages: 8 <b>ISO 14092:2026</b> Climate change adaptation — Requirements and guidance on adaptation planning for local governments and communities Pages: 43 Replaces: ISO/TS 14092:2020	<b>ISO 14890:2026</b> Conveyor belts — Specification for rubber- or plastics-covered conveyor belts of textile construction for general use Pages: 14 Replaces: ISO 14890:2013
<b>ISO 14019-1:2026</b> Sustainability information Part 1: General principles and requirements for validation and verification Pages: 51	<b>ISO 1436:2026</b> Rubber hoses and hose assemblies — Wire-braid-reinforced hydraulic types for oil-based or water-based fluids — Specification Pages: 13 Replaces: ISO 1436:2020	<b>ISO 15621:2026</b> Absorbent incontinence products for urine, faeces, or both — General guidelines on evaluation Pages: 11 Replaces: ISO 15621:2017
<b>ISO 14019-2:2026</b> Sustainability information Part 2: Principles and requirements for verification processes Pages: 33	<b>ISO 14644-13:2026</b> Cleanrooms and associated controlled environments Part 13: Cleaning of surfaces to achieve defined levels of cleanliness in terms of particle and chemical concentration Pages: 32 Replaces: ISO 14644-13:2017	<b>ISO 15830-2:2022/Amd 1:2026</b> Road vehicles — Design and performance specifications for the WorldSID 50th percentile male side-impact dummy — Part 2: Mechanical subsystems Amendment 1: Head centre of gravity Pages: 2
<b>ISO 14019-4:2026</b> Sustainability information	<b>ISO 14644-14:2026</b>	<b>ISO 15830-3:2022/Amd 1:2026</b> Road vehicles — Design and performance specifications for the WorldSID 50th

percentile male side-impact dummy — Part 3: Mechanical requirements for electronic subsystems Amendment 1: Head triaxial linear accelerometer neutral axes Pages: 1	Pages: 6 Replaces: ISO 16484-6:2024	<b>ISO 16958:2026</b> Milk, milk products, infant formula and adult nutritionals — Determination of fatty acids composition — Capillary gas chromatographic method Pages: 45 Replaces: ISO 16958:2015
<b>ISO 15883-6:2026</b> ISO 15883-6:2026 Washer-disinfectors Part 6: Requirements and tests for washer-disinfectors employing thermal disinfection for non-critical medical devices and health care equipment Pages: 8 Replaces: ISO 15883-6:2011	<b>ISO 16611:2026</b> Plastics piping systems for drainage and sewerage without pressure — Non-circular pipes and joints made of glass-reinforced thermosetting plastics (GRP) based on unsaturated polyester resins (UP) — Dimensions, requirements and tests Pages: 24 Replaces: ISO 16611:2017	<b>ISO 16959:2026</b> Natural rubber latex concentrate — Determination of zinc oxide viscosity (ZOV) Pages: 7
<b>ISO 15957:2026</b> Test dusts for evaluating air cleaning equipment Pages: 8 Replaces: ISO 15957:2015	<b>ISO 16921-1:2026</b> Biotechnology — Gene delivery systems Part 1: Vocabulary Pages: 12	<b>ISO 17090-4:2026</b> Health informatics — Public key infrastructure Part 4: Digital signatures for healthcare documents Pages: 31 Replaces: ISO 17090-4:2020
<b>ISO 16315:2026</b> Small craft — Electrical systems used for electrical propulsion Pages: 25 Replaces: ISO 16315:2016	<b>ISO 16923:2026</b> Natural gas fuelling stations — Compressed natural gas (CNG) stations for fuelling vehicles Pages: 48 Replaces: ISO 16923:2016	<b>ISO 17104:2026</b> Rotary tools for threaded fasteners — Impulse and impulsing tools — Performance test method Pages: 37 Replaces: ISO/TS 17104:2006
<b>ISO 16483:2026</b> Sustainable mobility and transportation — Digital governance — Indicators Pages: 30	<b>ISO 16924:2026</b> Natural gas fuelling stations — Liquefied natural gas (LNG) stations for fuelling road vehicles Pages: 82 Replaces: ISO 16924:2016	<b>ISO 17387:2026</b> Intelligent transport systems — Lane change decision aid systems (LCDAS) — Performance requirements and test procedures Pages: 46 Replaces: ISO 17387:2008
<b>ISO 16484-6:2026</b> Building automation and control systems (BACS) Part 6: Data communication conformance testing	<b>ISO 16947:2026</b> Natural rubber latex concentrate — Determination of zinc oxide stability time (ZST) Pages: 7	<b>ISO 17724:2026</b> Graphical symbols — Vocabulary Pages: 4

Replaces: ISO 17724:2003

**ISO 17738-4:2026**

Thermal insulation products  
— Exterior insulation and  
finish systems (EIFS)

Part 4: Site verification

Pages: 21

**ISO 18060:2026**

Sustainable tourism —  
Indicators for organizations  
in the tourism value chain —  
Requirements and guidance  
for use

Pages: 31

**ISO 18107:2026**

Variable refrigerant flow air-  
to-air conditioners and air-to-  
air heat pumps — Testing  
and calculating methods for  
seasonal performance factors  
and energy performance  
mapping approach

Pages: 140

**ISO 18127:2026**

Water quality —  
Determination of adsorbable  
organically bound fluorine,  
chlorine, bromine and iodine  
(AOF, AOCl, AOBr, AOI) —  
Method using combustion  
and subsequent ion  
chromatographic  
measurement

Pages: 44

**ISO 18166:2026**

Numerical welding  
simulation — Execution and  
documentation

Pages: 47

Replaces: ISO/TS 18166:2016

**ISO 18203:2026**

Steel — Determination of the  
thickness of surface-  
hardened layers

Pages: 13

Replaces: ISO 18203:2016

**ISO 1825:2026**

Rubber hoses and hose  
assemblies for aircraft  
ground fuelling and  
defuelling — Specification

Pages: 28

Replaces: ISO 1825:2017

**ISO 18270:2026**

Classification and  
performance guidelines for  
leather upholstered products

Pages: 5

**ISO 18318:2026**

Railway applications —  
Wheel-rail contact geometry  
parameters — Definitions  
and methods for evaluation

Pages: 107

**ISO 18319-1:2026**

Fibre-reinforced polymer  
(FRP) reinforcement for  
concrete structures  
Part 1: Specifications of FRP  
sheets

Pages: 6

Replaces: ISO 18319:2015

**ISO 18418-1:2026**

Gasoline engines — High  
pressure liquid fuel supply  
connections-Part 1: 60°  
concave cone connectors

Pages: 4

Replaces: ISO 18418-1:2016

**ISO 18419:2026**

Oilseeds — Application of  
near infrared spectrometry

Pages: 29

**ISO 18581:2026**

Compressed natural gas  
(CNG) and liquefied natural  
gas (LNG) equipment and  
accessories — CNG and LNG  
propulsion systems for small  
craft — Installation  
requirements

Pages: 34

**ISO 18651:2026**

Building construction  
machinery and equipment —  
Internal vibrators for  
concrete — Vocabulary and  
commercial specifications

Pages: 15

Replaces: ISO 18651-1:2011

**ISO 18704:2026**

Molecular in vitro diagnostic  
examinations —  
Requirements and  
recommendations for pre-  
examination processes for  
urine and other body fluids  
— Isolated cell-free DNA

Pages: 25

**ISO 18735:2026**

Ships and marine technology  
— High-manganese austenitic  
steel — Specification for  
high-manganese austenitic  
steel castings for cryogenic  
temperature

Pages: 15

**ISO 18741:2026**

Ship and marine technology  
— High-manganese austenitic

<p>steel — Specification for high-manganese austenitic steel forgings for cryogenic temperature Pages: 12 <b>ISO 18742:2026</b> Ship and marine technology — High-manganese austenitic steel — Specification for high-manganese austenitic steel welded fittings for cryogenic temperature Pages: 15 <b>ISO 18760:2026</b> Ships and marine technology — High-manganese austenitic steel — Longitudinally welded high-manganese austenitic steel pipes for cryogenic temperature Pages: 15 <b>ISO 18777-1:2026</b> Transportable liquid oxygen systems for medical use Part 1: Common requirements and particular requirements for base units Pages: 22 Replaces: ISO 18777:2005 <b>ISO 18819:2026</b> Ships and marine technology — High-manganese austenitic steel — Specification for plates, sheets and coils below 6,0 mm for cryogenic temperature Pages: 7 <b>ISO 18962:2026</b> Ships and marine technology — Installation and</p>	<p>operational requirements for swappable batteries on ships Pages: 6 <b>ISO 18971:2026</b> Corrosion of metals and alloys — Monitoring method for corrosion states of stainless steel in industrial cooling water Pages: 14 <b>ISO 18976:2026</b> Testing of refrigerant compressors Pages: 43 Replaces: ISO 917:1989 <b>ISO 18998:2026</b> Water reuse in urban areas — Guidelines for decentralized water reuse system — Management of a decentralized water reuse system Pages: 16 <b>ISO 19067:2026</b> Building and civil engineering sealants — Determination of changes in colour after laboratory accelerated weathering procedures Pages: 7 <b>ISO 19135:2026</b> Geographic information — Registration and register governance Pages: 285 Replaces: ISO 19135-1:2015/Amd 1:2021 <b>ISO 19615:2026</b> Meat and fish products — Determination of total</p>	<p>volatile basic nitrogen — Semi-micro nitrogen determination method Pages: 8 <b>ISO 19634:2026</b> Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Ceramic composites — Notations and symbols Pages: 13 Replaces: ISO 19634:2017 <b>ISO 19643:2026</b> Meat and meat products — Determination of nitrite and nitrate content — Continuous flow analysis (CFA) method Pages: 11 <b>ISO 19661:2026</b> Traditional Chinese medicine — Anemarrhena asphodeloides rhizome Pages: 10 <b>ISO 19743:2026</b> Solid biofuels — Determination of content of heavy extraneous materials larger than 3,15 mm Pages: 5 Replaces: ISO 19743:2017 <b>ISO 20012:2026</b> Biotechnology — Biobanking — Requirements for human natural killer cells derived from pluripotent stem cells Pages: 22 <b>ISO 20145:2026</b> Pneumatic fluid power — Test methods for measuring</p>
--	--	--

acoustic emission pressure levels of exhaust silencers Pages: 34 Replaces: ISO 20145:2019 <b>ISO 20342-4:2026</b> Assistive products for tissue integrity when lying down Part 4: Test methods for durability Pages: 14 <b>ISO 20500-1:2026</b> Mobile road construction machinery — Safety Part 1: Common requirements Pages: 67 <b>ISO 20500-2:2026</b> Mobile road construction machinery — Safety Part 2: Specific requirements for road-milling machines Pages: 45 <b>ISO 20500-3:2026</b> Mobile road construction machinery — Safety Part 3: Specific requirements for soil-stabilising machines and recycling machines Pages: 21 <b>ISO 20500-4:2026</b> Mobile road construction machinery — Safety Part 4: Specific requirements for compaction machines Pages: 36 <b>ISO 20500-5:2026</b> Mobile road construction machinery — Safety Part 5: Specific requirements for paver-finishers	Pages: 49 <b>ISO 20500-6:2026</b> Mobile road construction machinery — Safety Part 6: Specific requirements for mobile feeders Pages: 18 <b>ISO 20500-7:2026</b> Mobile road construction machinery — Safety Part 7: Specific requirements for slipform pavers and related machines Pages: 22 <b>ISO 20682:2026</b> Autonomous underwater vehicles — Risk and reliability Pages: 22 <b>ISO 20812:2026</b> Thermal insulation products for buildings — Cellular glass products — Specification Pages: 10 <b>ISO 209:2024/Amd 1:2026</b> Wrought aluminium and aluminium alloys — Chemical composition Amendment 1 Pages: 1 <b>ISO 21042:2026</b> Gasoline engines with direct fuel injection (GDI engines) — Installation of the high-pressure fuel pump to the engine Pages: 5 Replaces: ISO 21042:2018 <b>ISO 21174:2026</b>	Doors, windows and curtain walling — Hardware for doors and windows — Vocabulary Pages: 59 <b>ISO 21239:2026</b> Thermal insulation products for buildings — Reflective insulating products — Specification Pages: 21 <b>ISO 21315:2026</b> Traditional Chinese medicine — Ganoderma lucidum fruiting body Pages: 15 Replaces: ISO 21315:2018  <b>❖ TIÊU CHUẨN IEC</b>  <b>IEC GUIDE 109:2026</b> Environmental aspects - Inclusion in electrotechnical product standards Pages: 32 <b>IEC GUIDE 127:2026</b> Guidelines for safety-related risk assessment and risk reduction for collaborative safety system Pages: 13 <b>IEC 60072-3:2026</b> Rotating electrical machines - Dimensions and output series - Part 3: Small built-in motors - Flange numbers BF10 to BF50 Pages: 6 <b>IEC 60335-2-23:2026 CMV</b> Household and similar
---	--	--

electrical appliances - Safety - Part 2-23: Particular requirements for hair care and similar appliances Pages: 92 Replaces: IEC 60335-2- 23:2016+AMD1:2019 CSV <b>IEC 60335-2-23:2026 EXV</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-23: Particular requirements for hair care and similar appliances Pages: 288 Replaces: IEC 60335-2- 23:2016+AMD1:2019 CSV <b>IEC 60335-2-23:2026 EXV- CMV</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-23: Particular requirements for hair care and similar appliances Pages: 92 <b>IEC 60335-2-23:2026</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-23: Particular requirements for hair care and similar appliances Pages: 59 Replaces: IEC 60335-2- 23:2016+AMD1:2019 CSV <b>IEC 60335-2-105:2026 CMV</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-105: Particular requirements for multifunctional shower cabinets	Pages: 63 Replaces: IEC 60335-2- 105:2016+AMD1:2019 CSV <b>IEC 60335-2-105:2026 EXV</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-105: Particular requirements for multifunctional shower cabinets Pages: 267 Replaces: IEC 60335-2- 105:2016+AMD1:2019 CSV <b>IEC 60335-2-105:2026 EXV- CMV</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-105: Particular requirements for multifunctional shower cabinets Pages: 20 <b>IEC 60335-2-105:2026</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-105: Particular requirements for multifunctional shower cabinets Pages: 19 Replaces: IEC 60335-2- 105:2016+AMD1:2019 CSV <b>IEC 60364-8-81:2026</b> Low-voltage electrical installations - Part 8-81: Functional aspects - Energy efficiency Pages: 163 <b>IEC 60519- 4:2021+AMD1:2026 CSV</b>	Safety in installations for electroheating and electromagnetic processing - Part 4: Particular requirements for arc furnace installations Pages: 106 Replaces: IEC 60519-4:2013 <b>IEC 60519-4:2021/ AMD1:2026</b> Amendment 1 - Safety in installations for electroheating and electromagnetic processing - Part 4: Particular requirements for arc furnace installations Pages: 2 Replaces: IEC 60519-4:2013 <b>IEC 60691:2023+AMD1:2024+ AMD2:2026 CSV</b> Thermal-links - Requirements and application guide Pages: 88 Replaces: IEC 60691:2015+AMD1:2019 CSV <b>IEC 60691:2023/AMD2:2026</b> Amendment 2 - Thermal- links - Requirements and application guide Pages: 2 Replaces: IEC 60691:2015+AMD1:2019 CSV <b>IEC 60695-2-10:2026 PRV</b> Fire hazard testing - Part 2-
--	---	---

10: Glowing/Hot-wire based test methods - Glow-wire apparatus and common test procedure Pages: 31 Replaces: IEC 60695-2-10:2013 <b>IEC 60704-2-20:2026 EXV</b> Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-20: Particular requirements for wet hard floor cleaning appliances Pages: 68 <b>IEC 60704-2-20:2026</b> Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-20: Particular requirements for wet hard floor cleaning appliances Pages: 33 <b>IEC 60721-3-7:2026</b> Classification of environmental conditions - Part 3-7: Classification of groups of environmental parameters and their severities - Portable and non-stationary use Pages: 32 Replaces: IEC 60721-3-7:1995+AMD1:1996 CSV <b>IEC 60730-2-5:2026 PRV</b> Automatic electrical controls - Part 2-5: Particular requirements for automatic	electrical burner control systems Pages: 55 Replaces: IEC 60730-2-5:2000+AMD1:2004+AMD2:2008 CSV <b>IEC 60743:2013+AMD1:2026 CSV</b> Live working - Terminology for tools, devices and equipment Pages: 260 Replaces: IEC 60743:2001+AMD1:2008 CSV <b>IEC 60743:2013/AMD1:2026</b> Amendment 1 - Live working - Terminology for tools, devices and equipment Pages: 6 Replaces: IEC 60743:2001+AMD1:2008 CSV <b>IEC 60761-2:2026 PRV</b> Radiation protection instrumentation - Equipment for continuous monitoring of radioactivity in gaseous effluents - Part 2: Specific requirements for radioactive aerosol monitors including transuranic aerosols Pages: 26 Replaces: IEC 60761-2:2002 <b>IEC 60794-1-125:2026 PRV</b> Optical fibre cables - Part 1-125: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical tests methods - Ripcord functional test, Method E25	Pages: 7 <b>IEC 60794-1-127:2026 PRV</b> Optical fibre cables - Part 1-127: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical tests methods - Indoor simulated installation test, Method E27 Pages: 9 <b>IEC TS 60825-13:2026</b> Safety of laser products - Part 13: Measurements for classification of laser products Pages: 86 Replaces: IEC TR 60825-13:2011 <b>IEC 60947-5-3:2026 PRV</b> Low-voltage switchgear and controlgear - Part 5-3: Control circuit devices and switching elements - Requirements for proximity devices with defined behaviour under fault conditions (PDDDB) Pages: 87 Replaces: IEC 60947-5-3:2013 <b>IEC 60947-5-5:2026</b> Low-voltage switchgear and controlgear - Part 5-5: Control circuit devices and switching elements - Electrical emergency stop device with mechanical latching function Pages: 24 Replaces: IEC 60947-5-5:1997+AMD1:2005+AMD2:2
--	--	---

<p>016 CSV  <b>IEC 61076-2-104:2026</b>  Connectors for electrical and electronic equipment - Product requirements - Part 2-104: Circular connectors - Detail specification for circular connectors with M8 screw-locking or snap-locking  Pages: 60  Replaces: IEC 61076-2-104:2014</p> <p><b>IEC 61290-1-2:2026 RLV</b>  Optical amplifiers - Test methods - Part 1-2: Power and gain parameters - Electrical spectrum analyzer method  Pages: 47  Replaces: IEC 61290-1-2:2005</p> <p><b>IEC 61290-1-2:2026</b>  Optical amplifiers - Test methods - Part 1-2: Power and gain parameters - Electrical spectrum analyzer method  Pages: 15  Replaces: IEC 61290-1-2:2005</p> <p><b>IEC 61291-5-2:2017+ AMD1:2026 CSV</b>  Optical amplifiers - Part 5-2: Qualification specifications - Reliability qualification for optical fibre amplifiers  Pages: 30  Replaces: IEC 61291-5-2:2002</p>	<p><b>IEC 61512-1:2026</b>  Batch control - Part 1: Models and terminology  Pages: 272  Replaces: IEC 61512-1:1997</p> <p><b>IEC TR 61850-1-1:2026</b>  Communication networks and systems for power utility automation - Part 1-1: Introduction and overview  Pages: 32</p> <p><b>IEC 61851-23-1:2026 PRV</b>  Electric vehicle conductive charging system - Part 23-1: DC electric vehicle supply equipment - Automated connection device  Pages: 142</p> <p><b>IEC 61851-23-1:2026</b>  Electric vehicle conductive charging system - Part 23-1: DC electric vehicle supply equipment - Automated connection device  Pages: 58</p> <p><b>IEC 61987-31:2026</b>  Industrial-process measurement and control - Data structures and elements in process equipment catalogues - Part 31: List of properties (LOPs) of infrastructure elements for electronic data exchange  Pages: 88  Replaces: IEC 61987-31:2016</p> <p><b>IEC 61987-32:2026</b>  Industrial-process measurement and control - Data structures and elements</p>	<p>in process equipment catalogues - Part 32: List of properties (LOPs) of infrastructure elements for electronic data exchange - Generic structures  Pages: 74  Replaces: IEC 61987-32:2016</p> <p><b>IEC 62052-11:2026</b>  Electricity metering equipment - General requirements, tests and test conditions - Part 11: Metering equipment  Pages: 158  Replaces: IEC 62052-11:2020</p> <p><b>IEC 62052-31:2026</b>  Electricity metering equipment - General requirements, tests and test conditions - Part 31: Product safety requirements and tests  Pages: 137  Replaces: IEC 62052-31:2015</p> <p><b>IEC 62053-21:2026</b>  Electricity metering equipment - Particular requirements - Part 21: Static meters for AC active energy (classes 0,5; 1 and 2)  Pages: 70  Replaces: IEC 62053-21:2003</p> <p><b>IEC 62053-22:2026</b>  Electricity metering equipment - Particular requirements - Part 22: Static meters for AC active energy (classes 0,1; 0,2S and 0,5S)  Pages: 78  Replaces: IEC 62053-22:2003</p>
---	--	---

<b>IEC 62053-23:2026</b> Electricity metering equipment - Particular requirements - Part 23: Static meters for reactive energy (classes 2 and 3) Pages: 63 Replaces: IEC 62053-23:2003	<b>IEC 62305-3:2026</b> Protection against lightning - Part 3: Physical damage to structures and life hazard Pages: 144 Replaces: IEC 62305-3:2010	requirements Pages: 214 Replaces: IEC 62841-1:2014
<b>IEC 62053-24:2026</b> Electricity metering equipment - Particular requirements - Part 24: Static meters for reactive energy (classes 0,5S; 1S and 1) Pages: 72	<b>IEC 62305-4:2026</b> Protection against lightning - Part 4: Electrical and electronic systems within structures Pages: 132 Replaces: IEC 62305-4:2010	<b>IEC 62841-2-1:2026</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-1: Particular requirements for hand-held drills and impact drills Pages: 44 Replaces: IEC 62841-2-1:2017
<b>IEC 62109-1:2026</b> Safety of power converters for use in photovoltaic power systems - Part 1: General requirements Pages: 120 Replaces: IEC 62109-1:2010	<b>IEC 62443-4-2:2026</b> Security for industrial automation and control systems - Part 4-2: Technical security requirements for IACS components Pages: 198 Replaces: IEC 62443-4-2:2019	<b>IEC 62841-3-9:2026</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 3-9: Particular requirements for transportable mitre saws Pages: 52 Replaces: IEC 62841-3-9:2014
<b>IEC 62109-2:2026</b> Safety of power converters for use in photovoltaic power systems - Part 2: Particular requirements for inverters Pages: 112 Replaces: IEC 62109-2:2011	<b>IEC 62619:2026</b> Secondary cells and batteries containing alkaline or other non-acid electrolytes - Safety requirements for secondary lithium cells and batteries for use in industrial applications Pages: 102 Replaces: IEC 62619:2017	<b>IEC 62933-5-2:2026</b> Electrical energy storage (EES) systems - Part 5-2: Safety requirements for grid-integrated EES systems Pages: 176
<b>IEC 62282-3-201:2026</b> Fuel cell technologies - Part 3-201: Stationary fuel cell power systems - Performance test methods for small fuel cell power systems Pages: 84 Replaces: IEC 62282-3-201:2017	<b>IEC 62841-1:2026</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 1: General	<b>IEC 63044-5-3:2026</b> Home and building electronic systems (HBES) and building automation and control systems (BACS) - Part 5-3: EMC requirements for HBES/BACS used in residential, commercial and light-industrial environment

Pages: 67

Replaces: IEC 63044-5-3:2017

**IEC 63119-1:2026**

Information exchange for electric vehicle charging roaming service - Part 1: General

Pages: 94

Replaces: IEC 63119-1:2019

**IEC 63119-2:2026**

Information exchange for electric vehicle charging roaming service - Part 2: Use cases

Pages: 88

Replaces: IEC 63119-2:2019

**IEC 63119-3:2026**

Information exchange for electric vehicle charging roaming service - Part 3: Message structure

Pages: 102

Replaces: IEC 63119-3:2020

❖ **TIÊU CHUẨN BS**

**BS ISO 209:2024+A1:2026**

Wrought aluminium and aluminium alloys. Chemical composition

**BS EN IEC 63203-201-4:2025+A1:2026**

Wearable electronic devices and technologies - Electronic textile. Test method for determining sheet resistance of conductive fabrics after abrasion

**BS ISO 5313:2026**

High nitrogen content, straight ammonium nitrate fertilizers — Determination of oil retention

**BS ISO 5909:2026**

Business processes and data interchange of electronic bill of lading based on distributed ledger technology (DLT)

**BS ISO 8472-2:2026**

Biotechnology. Data interoperability for stem cell data - Key characteristics of stem cell data

**BS ISO 24894:2026**

Analysis of natural gas. Determination of sulfur compounds. Determination of hydrogen sulfide by laser absorption spectroscopy

**BS ISO/IEC 4933:2026**

Information technology. User interfaces. Unifying input actions across devices

**BS ISO/IEC 22460-3:2026**

Cards and security devices for personal identification. ISO UAS licence and drone or UAS security module - Digital UAS or drone licence

**BS ISO 22760-3:2024+A1:2026**

Road vehicles. Dimethyl Ether (DME) fuel system components - 85% stop valve

**BS ISO 22760-4:2024+A1:2026**

Road vehicles. Dimethyl Ether (DME) fuel system components - Level indicator

**BS ISO 22760-9:2024+A1:2026**

Road vehicles. Dimethyl Ether (DME) fuel system components - Pressure relief device (PRD)

**BS ISO/IEC 21134:2026**

Information technology. Computer graphics, image processing and environmental data representation.

Benchmarking of integrated indoor localization and tracking methods using dead reckoning

**BS ISO/IEC 30113-62:2026**

Information technology. Gesture-based interfaces across devices and method - Multi-point gestures for screen readers

**BS ISO/IEC 9995-3:2026**

Information technology. Keyboard layouts for text and office systems - Latin International keyboard layout

**BS EN ISO 2507:2026**

Thermoplastics pipes and fittings. Vicat softening temperature. General test method and test conditions for vinyl chloride-based (PVC-U, PVC-C, PVC-HI) and acrylonitrile-based (ABS, ASA) pipes and fittings fittings

**BS ISO 4183:2026**

Belt drives. Classical and narrow V-belts. Grooved pulleys (system based on datum width)

**BS ISO 6335-2:2026**

Surgical instruments. Staplers - General requirements

**BS ISO 6335-1:2026**

Surgical instruments. Staplers - Vocabulary

**BS ISO 15830-3:2022+A1:2026**

Road vehicles. Design and performance specifications for the WorldSID 50th percentile male side-impact dummy - Mechanical requirements for electronic subsystems

Replace: BS ISO 15830-3:2013

**BS IEC 60747-5-13:2021+A1:2026**

Semiconductor devices - Optoelectronic devices. Hydrogen sulphide corrosion test for LED packages

**BS ISO 17090-4:2026**

Health informatics — Public key infrastructure - Digital signatures for healthcare documents

Replace: BS ISO 17090-4:2020

**BS ISO 18741:2026**

Ship and marine technology. High-manganese austenitic steel. Specification for high-manganese austenitic steel

forgings for cryogenic temperature

**BS ISO 18760:2026**

Ships and marine technology — High-manganese austenitic steel — Longitudinally welded high-manganese austenitic steel pipes for cryogenic temperature

**BS ISO 12940-1:2026**

Petroleum products and lubricants — Determination of roll stability of lubricating grease - Dry condition test

**BS ISO 12940-2:2026**

Petroleum products and lubricants. Determination of roll stability of lubricating grease - Wet condition test

**BS EN IEC 61300-3-7:2021+A1:2026**

Fibre optic interconnecting devices and passive components. Basic test and measurement procedures - Examinations and measurements. Wavelength dependence of attenuation and return loss of single mode components

Replace: BS EN IEC 61300-3-7:2021  
**BS ISO 24975:2026**

Furniture. Beds and mattresses. Methods of measurement and recommended tolerances

**BS ISO 25018:2026**

Corrosion of metals and alloys — Determination of resistance to stress corrosion cracking of copper and copper-zinc alloys in ammonia vapour

**BS IEC 63601:2026**

Guideline for evaluating bias temperature instability of silicon carbide metal-oxide-semiconductor devices for power electronic conversion

**BS EN IEC 62196-1:2026**

Plugs, socket-outlets, vehicle connectors and vehicle inlets — Conductive charging of electric vehicles - General requirements

Replace: BS EN IEC 62196-1:2022

**BS EN 15761:2026**

Pre-shaped growing media. Determination of the dimensions and bulk density

**BS EN ISO 25086-1:2026**

Textiles. Determination of the snagging resistance of fabrics - Mace (spiked ball) test method

**BS EN 4179:2026**

Aerospace series. Qualification and approval of personnel for nondestructive testing

Replace: BS EN 4179:2021

**BS EN IEC 62351-7:2026**

Power systems management and associated information exchange. Data and communications security - Network and System

Management (NSM) data object models <b>BS ISO 629:2026</b> Steel and cast iron. Determination of manganese content. Spectrophotometric method <b>BS ISO/IEC 25706:2026</b> Information technology — Security protocol and data model (SPDM) collection <b>BS ISO 18419:2026</b> Oilseeds — Application of near infrared spectrometry <b>BS ISO/IEC 8808:2026</b> Information technology for learning, education and training — Online course information model <b>BS ISO 18742:2026</b> Ship and marine technology. High-manganese austenitic steel. Specification for high-manganese austenitic steel welded fittings for cryogenic temperature <b>BS ISO 6029-2:2026</b> Intelligent transport systems — Seamless positioning for multimodal transportation in ITS stations - Nomadic and mobile device dataset for positioning data fusion <b>BS EN IEC 60601-2-64:2026</b> Medical electrical equipment - Part 2-64: Particular requirements for the basic safety and essential performance of light ion	beam medical electrical equipment <b>BS ISO 29061-4:2026</b> Road vehicles — Methods and criteria for usability evaluation of child restraint systems and their interface with vehicle anchorage systems - Securing of child in child restraint system and daily handling aspects <b>BS EN IEC 60749-21:2026</b> Semiconductor devices. Mechanical and climatic test methods - Solderability Replace: BS EN 60749-21:2011 <b>BS EN ISO 18166:2026</b> Numerical welding simulation — Execution and documentation <b>BS EN IEC 62541-17:2026</b> OPC unified architecture - Alias Names <b>BS EN ISO 11300-1:2026</b> Piping systems for rehabilitation of underground drains, sewers and water supply networks - Polyethylene (PE) material Replace: BS EN ISO 11298-3:2018 <b>BS EN ISO 11300-3:2026</b> Piping systems for rehabilitation of underground drains, sewers and water supply networks - Unplasticized poly (vinyl chloride) (PVC-U) material	Replace: BS EN ISO 11296-1:2018 <b>BS ISO 20145:2026</b> Pneumatic fluid power — Test methods for measuring acoustic emission pressure levels of exhaust silencers <b>BS ISO 7148-2:2026</b> Plain bearings — Testing of the tribological behaviour of bearing materials - Testing of polymer-based bearing materials Replace: BS ISO 7148-2:2012 <b>BS ISO 21042:2026</b> Gasoline engines with direct fuel injection (GDI engines) — Installation of the high-pressure fuel pump to the engine BS ISO 23499:2026 Coal — Determination of bulk density of coal as it is handled in industrial practices Replace: BS ISO 23499:2013 <b>BS ISO 22514-2:2026</b> Statistical methods in process management — Capability and performance - Process capability and performance of time-dependent process models Replace: BS ISO 22514-2:2017 <b>BS EN ISO 19743:2026</b> Solid biofuels — Determination of content of heavy extraneous materials larger than 3,15 mm <b>BS EN IEC 61267:2026</b>
--	--	--

Medical diagnostic X-ray equipment. Radiation conditions for use in the determination of characteristic

**BS EN ISO/IEC 19896-2:2026**

Information security, cybersecurity and privacy protection. Requirements for the competence of IT security conformance assessment body personnel - Knowledge and skills requirements for testers and validators according to ISO/IEC 19790 and ISO/IEC 24759

**BS EN IEC 62196-2:2026**

Plugs, socket-outlets, vehicle connectors and vehicle inlets. Conductive charging of electric vehicles - Dimensional compatibility requirements for AC pin and contact-tube accessories Replace: BS EN IEC 62196-2:2022

**BS EN ISO 18203:2026**

Steel — Determination of the thickness of surface-hardened layers

**BS EN IEC 61300-3-14:2026**

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 3-14: Examinations and measurements - Error and repeatability of the

attenuation settings of a variable optical attenuator

**BS EN IEC 61076-2-11:2026**

Connectors for electrical and electronic equipment.

Product requirements - Circular connectors. Detail specification for power connectors with M12 screw-locking

**BS EN ISO 9073-11:2026**

Nonwovens — Test methods - Run-off BS ISO 18318:2026

Railway applications. Wheel-rail contact geometry parameters. Definitions and methods for evaluation

**BS ISO 29061-3:2026**

Road vehicles. Methods and criteria for usability evaluation of child restraint systems and their interface with vehicle anchorage systems - Installation of child restraint systems using vehicle seat belts

**BS ISO 29061-4:2026 - TC**

Road vehicles — Methods and criteria for usability evaluation of child restraint systems and their interface with vehicle anchorage systems - Securing of child in child restraint system and daily handling aspects

**BS ISO 29061-5:2026**

Road vehicles. Methods and criteria for usability evaluation of child restraint

systems and their interface with vehicle anchorage systems - Installation and securing of child in a booster system

**BS EN IEC 61400-1:2019+A1:2026**

Wind energy generation systems - Design requirements

Replace: BS EN IEC 61400-1:2019

**BS EN 60315-4:1998+A1:2026**

Methods of measurement on radio receivers for various classes of emission - Receivers for frequency-modulated sound broadcasting emissions

**BS EN IEC 63541:2026**

Lithium tantalate and lithium niobate crystals for surface acoustic wave (SAW) device applications. Specifications and measuring methods

**BS EN IEC 61757-1-4:2026**

Fibre optic sensors - Strain measurement. Distributed sensing based on Rayleigh scattering

**BS EN IEC 62590-2-1:2026**

Railway applications. Electronic power converters for fixed installations - DC traction applications.

Uncontrolled rectifiers

**BS ISO 29061-1:**

Road vehicles. Methods and criteria for usability

evaluation of child restraint systems and their interface with vehicle anchorage systems - Vehicles and child restraint systems equipped with ISOFIX anchorages and attachments

**BS EN IEC 60335-2-32:2026+A11:2026**

Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for massage appliances  
Replace: BS EN IEC 60335-2-32:2021

**BS EN IEC 60335-2-26:2026+A11:2026**

Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for clocks

Replace: BS EN 60335-2-26:2003+A11:2020

**BS EN ISO 20342-4:2026**

Assistive products for tissue integrity when lying down - Test methods for durability

**BS ISO/IEC 27565:2026**

Information security, cybersecurity and privacy protection. Guidelines on privacy preservation based on zero-knowledge proofs

**BS ISO 20500-5:2026**

Mobile road construction machinery. Safety - Specific requirements for paver-finishers

**BS EN IEC 63522-4:2026**

Electrical relays. Tests and measurements - Dielectric strength test

**BS IEC 63093-4:2026**

Ferrite cores. Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - RM-cores

Replace: BS EN IEC 63093-4:2019

**BS EN IEC 61076-2-111:2026**

Connectors for electrical and electronic equipment.

Product requirements -

Circular connectors. Detail specification for power connectors with M12 screw-locking

**BS ISO 14064-5:2026**

Greenhouse gases - Guidance on activities and techniques used remotely in conducting verification and validation of greenhouse gas statements

**BS ISO/IEC 18000-65:2026**

Information technology.

Radio frequency

identification for item

management - Parameters for air interface communications for streaming sensors based on ISO/IEC 18000-63

**BS ISO 20500-7:2026**

Mobile road construction machinery. Safety - Specific requirements for slipform pavers and related machines

**BS EN ISO 21362:2026**

Nanotechnologies — Analysis of nano-objects using asymmetrical flow and centrifugal field-flow fractionation

**BS ISO 21508:2026**

Project, programme and portfolio management. Earned value management

**BS ISO 21809-4:2026**

Oil and gas industries including lower carbon energy. External coatings for buried or submerged pipelines used in pipeline transportation systems - Polyethylene coatings (2-layer PE)

**BS ISO 18107:2026**

Variable refrigerant flow air-to-air conditioners and air-to-air heat pumps. Testing and calculating methods for seasonal performance factors and energy performance mapping approach

**BS EN ISO 14019-1:2026**

Sustainability information - General principles and requirements for validation and verification

**BS EN ISO 14019-2:2026**

Sustainability information - Principles and requirements for verification processes

**BS ISO 20682:2026**

Autonomous underwater vehicles. Risk and reliability

**BS EN ISO 23691:2026**

Microbiology of the food chain. Determination and use of cardinal values

**BS EN ISO 14019-4:2026**

Sustainability information - Principles and requirements for bodies validating and verifying sustainability information

**BS EN 61811-1:2015+A1:2026**

Electromechanical telecom elementary relays of assessed quality - Generic specification and blank detail specification

Replace: BS EN 61811-1:2015

**BS EN ISO 24202:2026**

Oil and gas industries including lower carbon energy. Bulk material for offshore projects. Monorail beam and padeye

**BS IEC SRD 63443-1:2026**

Distributed energy resource aggregation business - System architecture and service scenarios

**BS IEC 62862-3-6:2026**

Solar thermal electric plants - Durability of silvered-glass reflectors. Laboratory test methods and assessment

**BS EN ISO 14577-5:2026**

Metallic materials. Instrumented indentation test for hardness and materials parameters - Linear elastic dynamic instrumented indentation testing (DIIT)

**BS EN ISO 3845:2026**

Oil and gas industries including lower carbon energy. Full ring ovalization test method for the evaluation of the cracking resistance of steel line pipe in sour service

**BS EN IEC 61800-9-2:2025+A1:2026**

Adjustable speed electrical power drive systems (PDS) - Ecodesign for motor systems. Energy efficiency determination and classification

**BS ISO/IEC/IEEE 24748-10:2026**

Systems and software engineering. Life cycle management - Guidelines for systems engineering agility

**BS ISO/IEC/IEEE 26516:2026**

Systems and software engineering. Development and production of instructional videos

**BS EN IEC 60966-4-4:2026**

Radio frequency and coaxial cable assemblies - Semi-rigid coaxial cable. Detail specification. Frequency range up to 6 000 MHz, type 50-5 multi-channel cables

**BS EN IEC 62541-1:2026**

OPC unified architecture - Overview and concepts

Replace: PD CLC IEC/TR 62541-1:2021

**BS EN ISO 11295:2026**

Plastics piping systems used for the rehabilitation of pipelines — Classification and overview of strategic, tactical and operational activities

Replace: BS EN ISO 11295:2022

**BS EN ISO 19135:2026**

Geographic information. Registration and register governance

Replace: BS EN ISO 19135-1:2015+A1:2021

**BS EN IEC 60335-2-108:2026+A11:2026**

Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for electrolyzers

**BS ISO 16959:2026**

Natural rubber latex concentrate. Determination of zinc oxide viscosity (ZOV)

**BS ISO 16947:2026**

Natural rubber latex concentrate. Determination of zinc oxide stability time (ZST)

**BS ISO 5667-4:2026**

Water quality. Sampling - Guidance on sampling from lakes, natural and man-made

Replace: BS ISO 5667-4:2016

**BS ISO 14092:2026**

Climate change adaptation. Requirements and guidance on adaptation planning for

local governments and communities

**BS IEC 63602:2026**

Guidelines for representing switching losses of SIC MOSFETs in datasheets

**BS EN ISO 32543-3:2026**

Non-destructive testing. Characteristics of focal spots in industrial X-ray systems - Measurement of the effective focal spot size of mini and micro focus X-ray tubes

Replace: BS EN 12543-5:1999

**BS EN IEC 60794-1-**

**131:2026**

Optical fibre cables - Generic specification. Basic optical cable test procedures. Mechanical tests methods.

Microduct inner clearance test, Method E31

**BS EN 18087:2026**

Devices for in-situ generation of biocides. Chlorine dioxide generated from sodium chlorite by acidification or oxidation

**BS ISO 5311:2026**

Fertilizers. Determination of bulk density (tapped)

**BS EN IEC 62541-100:2026**

OPC unified architecture – Devices

**BS EN IEC 62541-10:2026**

OPC unified architecture – Programs

**BS EN ISO 24443:2021+A1:2026**

Cosmetics. Determination of sunscreen UVA

photoprotection in vitro

**BS ISO 582:2026**

Rolling bearings. Chamfer dimensions. Geometrical product specifications (GPS) and values

**BS IEC 63093-10:2026**

Ferrite cores. Guidelines on dimensions and the limits of surface irregularities - PM-cores and associated parts

**BS EN IEC 62541-13:2026**

OPC unified architecture – Aggregates

**BS EN ISO 5659:2026**

Plastics. Smoke generation. Determination of optical density by a single-chamber test

Replace: BS EN ISO 5659-2:2017

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

**ASTM C1583/C1583M-25**

Standard Test Method for Tensile Strength of Concrete Surfaces and the Bond Strength or Tensile Strength of Concrete Repair and Overlay Materials by Direct Tension (Pull-off Method)

Pages: 5

Replace:

ASTM C1583/C1583M-20

**ASTM C685/C685M-25a**

Standard Specification for Concrete Made by Volumetric

Batching and Continuous Mixing

Pages: 11

Replace: ASTM C685/C685M-25

**ASTM D2257-25**

Standard Test Method for Extractable Matter in Textiles

Pages: 5

Replace: ASTM D2257-20

**ASTM D3656/D3656M-25**

Standard Specification for Insect Screening and Louver Cloth Woven from Vinyl-Coated Glass Yarns

Pages: 6

Replace:

ASTM D3656/D3656M-13(2021)

**ASTM D4266-17(2026)e1**

Standard Test Methods for Precoat Capacity of Powdered Ion-Exchange Resins

Pages: 5

Replace: ASTM D4266-17

**ASTM D4456-17(2026)e1**

Standard Test Methods for Physical and Chemical Properties of Powdered Ion Exchange Resins

Pages: 4

Replace: ASTM D4456-17

**ASTM D5013-26**

Standard Practices for Sampling Wastes from Pipes and Other Point Discharges

Pages: 4

Replace: ASTM D5013-18

**ASTM D5072-26**

Standard Test Method for Radon in Drinking Water Pages: 9 Replace: ASTM D5072-09(2024) <b>ASTM D5817-25</b>	Replace: ASTM E1820-25a <b>ASTM E2780-10(2026)</b>	<b>ASTM F3805-26</b>
Standard Practice for Carbon Black, Pelleted—Reduction, Blending, and Drying of Gross Samples for Testing Pages: 5 Replace: ASTM D5817-20(2025) <b>ASTM D6822-25</b>	Standard Test Method for Determining Particulate Matter Emissions from Wood Heaters Pages: 13 Replace: ASTM E2780-10(2017) <b>ASTM E3121/E3121M-17(2026)</b>	Standard Specification for Airplane Flight Manual (AFM) Pages: 5 <b>ASTM G228-26</b>
Standard Test Method for Density, Relative Density, and API Gravity of Crude Petroleum and Liquid Petroleum Products by Thermohydrometer Method Pages: 19 Replace: ASTM D6822-24 <b>ASTM D7076-25</b>	Standard Test Methods for Field Testing of Anchors in Concrete or Masonry Pages: 7 Replace: ASTM E3121/E3121M-17 <b>ASTM E3268-25</b>	Standard Practice for Conducting a 5-year Review of a Committee G03 Standard Pages: 4 <b>ASTM G229-26</b>
Standard Test Method for Measurement of Shives in Retted Flax Pages: 3 Replace: ASTM D7076-10(2021)e1 <b>ASTM E119-26</b>	Standard Guide for Non-Aqueous Phase Liquid (NAPL) Mobility and Migration in Sediment—Sample Collection, Field Screening, and Handling Pages: 20 Replace: ASTM E3268-21 <b>ASTM F2929-25a</b>	Standard Practice for Estimating the Time of Wetness Potential at an Outdoor Weathering Site using a Cotton Wick Sensor Pages: 5 <b>ASTM A848-17(2026)</b>
Standard Test Methods for Fire Tests of Building Construction and Materials Pages: 38 Replace: ASTM E119-24 <b>ASTM E1820-25b</b>	Standard Specification for Crosslinked Polyethylene (PEX) Tubing of 0.070 in. Wall and Fittings for Radiant Heating Systems up to 75 psig Pages: 12 Replace: ASTM F2929-25 <b>ASTM F3764-25e1</b>	Standard Specification for Low-Carbon Magnetic Iron Pages: 8 Replace: ASTM A848-17 <b>ASTM A876-17(2026)</b>
Standard Test Method for Measurement of Fracture Toughness Pages: 70	Standard Guide for Medical Qualifications for Orbital Vehicle Participants Pages: 11 Replace: ASTM F3764-25	Standard Specification for Flat-Rolled, Grain-Oriented, Silicon-Iron, Electrical Steel, Fully Processed Types Pages: 6 Replace: ASTM A876-17e1 <b>ASTM B135/B135M-26</b>
		Standard Specification for Seamless Brass Tube Pages: 8 Replace: ASTM B135/B135M-17 <b>ASTM B26/B26M-25</b>
		Standard Specification for Aluminum-Alloy Sand Castings Pages: 14

Replace: ASTM B26/B26M-18e1

**ASTM C1232-26**

Standard Terminology for Masonry

Pages: 12

Replace: ASTM C1232-25

**ASTM C140/C140M-26**

Standard Test Methods for Sampling and Testing Concrete Masonry Units and Related Units

Pages: 35

Replace: ASTM C140/C140M-25

**ASTM C1780-26**

Standard Practice for Installation Methods for Cement-based Adhered Masonry Veneer

Pages: 7

Replace: ASTM C1780-25a

**ASTM C1957/C1957M-25**

Standard Practice for Onsite Exfiltration Acceptance Testing of Precast Concrete Water and Wastewater Structures

Pages: 2

**ASTM C1958/C1958M-25**

Standard Guide for Soil-Tight Grouted Connections Between Concrete Pipe and Concrete Structures

Pages: 3

**ASTM C891/C891M-25**

Standard Practice for Installation of Underground Precast Concrete Utility Structures

Pages: 5

Replace: ASTM C891-20

**ASTM D1739-98(2026)**

Standard Test Method for Collection and Measurement of Dustfall (Settleable Particulate Matter)

Pages: 5

Replace: ASTM D1739-98(2017)

**ASTM D2584-25**

Standard Test Method for Ignition Loss of Cured Reinforced Resins

Pages: 3

Replace: ASTM D2584-18

**ASTM D3268-91(2026)**

Standard Test Method for Separation and Collection of Particulate and Gaseous Fluorides in the Atmosphere (Sodium Bicarbonate-Coated Glass Tube and Particulate Filter Method)

Pages: 6

Replace: ASTM D3268-91(2018)

**ASTM D3689/D3689M-25**

Standard Test Methods for Deep Foundation Elements Under Static Axial Tensile Load

Pages: 15

Replace:

ASTM D3689/D3689M-22

**ASTM D3966/D3966M-25**

Standard Test Methods for Deep Foundation Elements Under Static Lateral Load

Pages: 19

Replace:

ASTM D3966/D3966M-22

**ASTM D4546-25**

Standard Test Methods for One-Dimensional Swell or Collapse of Soils

Pages: 10

Replace: ASTM D4546-21

**ASTM D5011-17(2026)**

Standard Practices for Calibration of Ozone Monitors Using Transfer Standards

Pages: 29

Replace: ASTM D5011-17

**ASTM D6067/D6067M-25**

Standard Practice for Using the Electronic Piezocone Penetrometer Tests for Environmental Site Characterization and Estimation of Hydraulic Conductivity

Pages: 14

Replace:

ASTM D6067/D6067M-17

**ASTM D6736-26**

Standard Test Method for Burnish Resistance of Latex Paints

Pages: 3

Replace: ASTM D6736-08(2019)

**ASTM D6807-17(2026)**

Standard Test Method for Operating Performance of Continuous Electrodeionization Systems on Reverse Osmosis

Permeates from 2 to 100 $\mu\text{S}/\text{cm}$ Pages: 6 Replace: ASTM D6807-17 <b>ASTM D695-26</b> Standard Test Method for Compressive Properties of Rigid Plastics Pages: 8 Replace: ASTM D695-23 <b>ASTM D7153-25a</b> Standard Test Method for Freezing Point of Aviation Fuels (Automatic Laser Method) Pages: 11 Replace: ASTM D7153-25 <b>ASTM D7338-26</b> Standard Guide for Assessment Of Fungal Growth in Buildings Pages: 9 Replace: ASTM D7338- 14(2023) <b>ASTM D7786-26</b> Standard Test Method for Determining Enamel Holdout Pages: 3 Replace: ASTM D7786- 13(2019) <b>ASTM D8027-17(2026)</b> Standard Practice for Concentration of Select Radionuclides Using MnO <sub>2</sub> for Measurement Purposes Pages: 5 Replace: ASTM D8027-17 <b>ASTM D8223-19(2026)</b> Standard Practice for Evaluation of Fire-Retardant	Treated Laminated Veneer Lumber Pages: 5 Replace: ASTM D8223-19 <b>ASTM D8326-25</b> Standard Practice for Measurement of the Kinetic Energy of Simulated Rainfall Pages: 6 Replace: ASTM D8326-21 <b>ASTM D8648-25</b> Standard Test Method for Determining Flowability Using GranuDrum Pages: 5 <b>ASTM E2349-26</b> Standard Practice for Safety Requirements in Metal Casting Operations: Sand Preparation, Molding, and Core Making; Melting and Pouring; and Cleaning and Finishing Pages: 33 Replace: ASTM E2349-19 <b>ASTM E2375-26</b> Standard Practice for Ultrasonic Testing of Wrought Products Pages: 23 Replace: ASTM E2375-22 <b>ASTM E2700-26</b> Standard Practice for Contact Ultrasonic Testing of Welds Using Phased Arrays Pages: 9 Replace: ASTM E2700-20 <b>ASTM E336-25a</b> Standard Test Method for Measurement of Airborne	Sound Attenuation between Rooms in Buildings Pages: 23 Replace: ASTM E336-25 <b>ASTM F2970-25</b> Standard Practice for Design, Manufacture, Installation, Operation, Maintenance, Inspection and Major Modification of Trampoline Courts Pages: 37 Replace: ASTM F2970-22 <b>ASTM F792-17(2026)</b> Standard Practice for Evaluating the Imaging Performance of Security X- Ray Systems Pages: 44 Replace: ASTM F792-17e1 <b>ASTM E1297-26</b> Standard Test Method for Measuring Fast-Neutron Reaction Rates by Radioactivation of Niobium Pages: 8 Replace: ASTM E1297-18 <b>ASTM E1323-26</b> Standard Guide for Evaluating Laboratory Measurement Practices and the Statistical Analysis of the Resulting Data Pages: 3 Replace: ASTM E1323- 15(2020) <b>ASTM E3205-26</b> Standard Test Method for Small Punch Testing of Metallic Materials
--	---	---

<p>Pages: 12                  Replace: ASTM E3205-20  <b>ASTM E3247-26</b>                  Standard Test Method for Measuring the Size of Nanoparticles in Aqueous Media Using Dynamic Light Scattering                  Pages: 23                  Replace: ASTM E3247-20  <b>ASTM F2624-26</b>                  Standard Test Method for Static, Dynamic, and Wear Assessment of Extra-Discal Single Level Spinal Constructs                  Pages: 16                  Replace: ASTM F2624-12(2020)  <b>ASTM F2694-26</b>                  Standard Test Method for Functional and Wear Evaluation of Motion-Preserving Lumbar Total Facet Prostheses                  Pages: 9                  Replace: ASTM F2694-16(2020)  <b>ASTM F3046-26</b>                  Standard Specification for Wrought Titanium-3Aluminum-2.5Vanadium Alloy for Surgical Implant Applications (UNS R56320)                  Pages: 6                  Replace: ASTM F3046-21  <b>ASTM F3682-25</b>                  Standard Terminology for Goods Movement Process (GMP)                  Pages: 8</p>	<p>Replace: ASTM F3682-24c  <b>ASTM F565-26</b>                  Standard Practice for Care and Handling of Orthopedic Implants and Instruments                  Pages: 3                  Replace: ASTM F565-21  <b>ASTM F750-26</b>                  Standard Practice for Evaluating Acute Systemic Toxicity of Material Extracts by Systemic Injection in the Mouse                  Pages: 4                  Replace: ASTM F750-20  <b>ASTM A1062-10(2026)</b>                  Standard Specification for Steel Castings Sampling                  Pages: 2                  Replace: ASTM A1062-10(2020)  <b>ASTM A350/A350M-26</b>                  Standard Specification for Carbon and Low-Alloy Steel Forgings, Requiring Notch Toughness Testing for Piping Components                  Pages: 11                  Replace: ASTM A350/A350M-24b  <b>ASTM A610-79(2026)</b>                  Standard Test Methods for Sampling and Testing Ferroalloys for Determination of Size                  Pages: 2                  Replace: ASTM A610-79(2019)  <b>ASTM A636-08(2026)</b></p>	<p>Standard Specification for Nickel Oxide Sinter                  Pages: 2                  Replace:                  ASTM A636-08(2018)  <b>ASTM A987/A987M-25</b>                  Standard Practice for Measuring Shape Characteristics of Tin Mill Products                  Pages: 8                  Replace:                  ASTM A987/A987M-19  <b>ASTM A988/A988M-26</b>                  Standard Specification for Hot Isostatically-Pressed Stainless Steel Flanges, Fittings, Valves, and Parts for High Temperature Service                  Pages: 12                  Replace: ASTM A988/A988M-23  <b>ASTM B490-09(2026)</b>                  Standard Practice for Micrometer Bend Test for Ductility of Electrodeposits                  Pages: 2                  Replace: ASTM B490-09(2021)  <b>ASTM B499-09(2026)</b>                  Standard Test Method for Measurement of Coating Thicknesses by the Magnetic Method: Nonmagnetic Coatings on Magnetic Basis Metals                  Pages: 5                  Replace: ASTM B499-09(2021)e1  <b>ASTM B69-26</b></p>
---	--	---

Standard Specification for Rolled Zinc Pages: 5 Replace: ASTM B69-21 <b>ASTM B995-15a(2026)</b> Standard Test Method for Chloride Resistance Test for Chromium Electroplated Parts (Russian Mud Test) Pages: 5 Replace: ASTM B995-15a(2021) <b>ASTM C1239-26</b> Standard Practice for Reporting Uniaxial Strength Data and Estimating Weibull Distribution Parameters for Advanced Ceramics Pages: 20 Replace: ASTM C1239-13(2024)e1 <b>ASTM C143/C143M-26</b> Standard Test Method for Slump of Hydraulic-Cement Concrete Pages: 4 <b>ASTM D4821-25</b> Standard Guide for Carbon Black—Validation of Test Method Precision and Bias Pages: 10 Replace: ASTM D4821-20 <b>ASTM D975-26a</b> Standard Specification for Diesel Fuel Pages: 29 <b>ASTM E1854-26</b> Standard Practice for Ensuring Test Consistency in Neutron-Induced	Displacement Damage of Electronic Parts Pages: 13 Replace: ASTM E1854-19 <b>ASTM E2943-26</b> Standard Guide for Acceptance and Preference Testing with Consumers Pages: 17 Replace: ASTM E2943-25 <b>ASTM E3063-26</b> Standard Test Method for Antimony Content Using Neutron Activation Analysis (NAA) Pages: 10 Replace: ASTM E3063-24 <b>ASTM E3216-26</b> Standard Guide for Use of Infrared Thermography in Evaluation of Buildings, Building Systems, and Equipment Pages: 7 <b>ASTM E636-20(2026)</b> Standard Guide for Conducting Supplemental Surveillance Tests for Nuclear Power Reactor Vessels Pages: 7 Replace: ASTM E636-20 <b>ASTM E722-19(2026)</b> Standard Practice for Characterizing Neutron Fluence Spectra in Terms of an Equivalent Monoenergetic Neutron Fluence for Radiation Hardness Testing of Electronics Pages: 28	Replace: ASTM E722-19 <b>ASTM E84-26</b> Standard Test Method for Surface Burning Characteristics of Building Materials Pages: 28 Replace: ASTM E84-25 <b>ASTM F136-26</b> Standard Specification for Wrought Titanium-6Aluminum-4Vanadium ELI (Extra Low Interstitial) Alloy for Surgical Implant Applications (UNS R56401) Pages: 7 Replace: ASTM F136-13(2021)e1 <b>ASTM F1813-26</b> Standard Specification for Wrought Titanium-12Molybdenum-6Zirconium-2Iron Alloy for Surgical Implant (UNS R58120) Pages: 6 Replace: ASTM F1813-21 <b>ASTM F3032-26</b> Standard Specification for Clothing for Protection Against Radiological Contamination Pages: 11 Replace: ASTM F3032-25 <b>ASTM F3207-26</b> Standard Guide for in vivo Evaluation of Rabbit Lumbar Intertransverse Process Spinal Fusion Model Pages: 16 Replace: ASTM F3207-17
---	--	---

**ASTM F3310-26**

Standard Specification for Non-Essential Ice Detectors for Aircraft

Pages: 4

Replace: ASTM F3310-18

**ASTM F448-26**

Standard Test Method for Measuring Steady-State Primary Photocurrent

Pages: 7

Replace: ASTM F448-18

**ASTM B162-26**

Standard Specification for Nickel Plate, Sheet, and Strip

Pages: 9

Replace: ASTM B162-99(2019)

**ASTM B164-26**

Standard Specification for Nickel-Copper Alloy Rod, Bar, and Wire

Pages: 10

Replace: ASTM B164-03(2019)

**ASTM C1014-26**

Standard Specification for Spray-Applied Mineral Fiber Thermal and Sound Absorbing Insulation

Pages: 3

Replace: ASTM C1014-17

**ASTM D2029-26**

Standard Test Methods for Water Vapor Content of Electrical Insulating Gases by Measurement of Dew Point

Pages: 6

Replace: ASTM D2029-97(2017)

**ASTM D7994-25**

Standard Test Method for Total Fluorine, Chlorine, and Sulfur in Liquid Petroleum Gas (LPG) by Oxidative

Pyrohydrolytic Combustion Followed by Ion Chromatography Detection (Combustion Ion Chromatography-CIC)

Pages: 11

Replace: ASTM D7994-17

**ASTM D8084-26**

Standard Test Method for Photoelectrochemical Oxygen Demand of Freshwater Sources for Drinking Water Treatment Plants and Treated Drinking Water

Pages: 9

Replace: ASTM D8084-17

**ASTM E1618-25**

Standard Test Method for Identification of Ignitable Liquids in Fire Debris Analysis by Gas Chromatography-Mass Spectrometry

Pages: 26

Replace: ASTM E1618-19

**ASTM E1699-26**

Standard Practice for Performing Value Engineering (VE)/Value Analysis (VA) of Projects, Products and Processes

Pages: 8

Replace: ASTM E1699-14(2020)

**ASTM E704-26**

Standard Test Method for Measuring Reaction Rates by Radioactivation of Uranium-238

Pages: 4

Replace: ASTM E704-19

**ASTM F2346-18(2026)**

Standard Test Methods for Static and Dynamic Characterization of Spinal Artificial Discs

Pages: 10

Replace: ASTM F2346-18

**ASTM F3268-26**

Standard Guide for in vitro Degradation Testing of Absorbable Metals

Pages: 14

Replace: ASTM F3268-18a

**ASTM F3440-26**

Standard Test Method for Corrosion of Low-Embrittling Zinc-Nickel Plate by Aircraft Maintenance Chemicals

Pages: 3

Replace: ASTM F3440-24

**ASTM A805/A805M-26**

Standard Specification for Steel, Flat Wire, Carbon, Cold-Rolled

Pages: 12

Replace: ASTM A805/A805M-09(2021)

**ASTM A909/A909M-06(2026)**

Standard Specification for Steel Forgings, Microalloy, for General Industrial Use

Pages: 4

Replace: ASTM A909/A909M-06(2021) <b>ASTM A983/A983M-06(2026)</b> Standard Specification for Continuous Grain Flow Forged Carbon and Alloy Steel Crankshafts for Medium Speed Diesel Engines Pages: 5 Replace: ASTM A983/A983M-06(2021) <b>ASTM B662/B662M-26</b> Standard Specification for Silver-Molybdenum Electrical Contact Material Pages: 4 Replace: ASTM B662/B662M-20 <b>ASTM B663/B663M-26</b> Standard Specification for Silver-Tungsten Carbide Electrical Contact Material Pages: 5 Replace: ASTM B663/B663M-20 <b>ASTM D3156-96(2026)</b> Standard Practice for Rubber—Chromatographic Analysis of Antidegradants (Antioxidants, Antiozonants and Stabilizers) Pages: 5 Replace: ASTM D3156-96(2021) <b>ASTM D5321/D5321M-26</b> Standard Test Method for Determining the Shear Strength of Soil-Geosynthetic and Geosynthetic-	Geosynthetic Interfaces by Direct Shear Pages: 12 Replace: ASTM D5321/D5321M-21 <b>ASTM E3345-26</b> Standard Practice for Opinions on the Interpretation of Primer Gunshot Residue (pGSR) Analysis by Scanning Electron Microscopy/Energy Dispersive X-Ray Spectrometry (SEM/EDS) Pages: 4 <b>ASTM E3407-25</b> Standard Classification for Ignitable Liquids Encountered in Fire Debris Analysis Pages: 21 <b>ASTM E3497-26</b> Standard Practice for Collection of Primer Gunshot Residue (pGSR) Particles from Clothing, Vehicles, and Other Inanimate Objects using Scanning Electron Microscopy (SEM) Stubs Pages: 4 <b>ASTM A986/A986M-01(2026)</b> Standard Specification for Magnetic Particle Examination of Continuous Grain Flow Crankshaft Forgings Pages: 3 Replace: ASTM A986/A986M-01(2021)	<b>ASTM B258-18(2026)</b> Standard Specification for Standard Nominal Diameters and Cross-Sectional Areas of AWG Sizes of Solid Round Wires Used as Electrical Conductors Pages: 5 Replace: ASTM B258-18 <b>ASTM B576-94(2026)</b> Standard Guide for Arc Erosion Testing of Electrical Contact Materials Pages: 2 Replace: ASTM B576-94(2021) <b>ASTM B794-97(2026)</b> Standard Test Method for Durability Wear Testing of Separable Electrical Connector Systems Using Electrical Resistance Measurements Pages: 6 Replace: ASTM B794-97(2020) <b>ASTM B808-10(2026)</b> Standard Test Method for Monitoring of Atmospheric Corrosion Chambers by Quartz Crystal Microbalances Pages: 4 Replace: ASTM B808-10(2020) <b>ASTM B830-18(2026)</b> Standard Specification for Uniform Test Methods and Frequency Pages: 4 Replace: ASTM B830-18
--	--	--

**ASTM C173/C173M-26**  
Standard Test Method for Air  
Content of Freshly Mixed  
Concrete by the Volumetric  
Method

Pages: 10

Replace: ASTM C173/C173M-  
24a

**ASTM C1964-26**  
Standard Practice for  
Concrete Sewer Manholes by  
the Negative Air Pressure  
(Vacuum) Test Post Backfill

Pages: 3

ASTM D3241-25a

Standard Test Method for  
Thermal Oxidation Stability  
of Aviation Turbine Fuels

Pages: 25

Replace: ASTM D3241-25

**ASTM D8010-26**

Standard Test Method for  
Determination of Water  
Soluble Alkali in Coal

Pages: 5

Replace: ASTM D8010-18

**ASTM D8214-26**

Standard Test Method for  
Forms of Sulfur in Coal by  
Inductively Coupled  
Plasma Atomic Emission  
Spectrometry

Pages: 5

Replace: ASTM D8214-18

**ASTM E1981-26**

Standard Guide for Assessing  
Thermal Stability of Materials  
by Methods of Accelerating  
Rate Calorimetry

Pages: 14

Replace: ASTM E1981-22

**ASTM E3076-25**

Standard Practice for  
Determination of the Slope in  
the Linear Region of a Test  
Record

Pages: 8

Replace: ASTM E3076-18e2

**ASTM F1821-26**

Standard Consumer Safety  
Specification for Toddler  
Beds

Pages: 11

Replace: ASTM F1821-19e2

**ASTM F2786-26**

Standard Practice for Field  
Leak Testing of Polyethylene  
(PE) Pressure Piping Systems  
Using Gaseous Testing Media  
Under Pressure (Pneumatic  
Leak Testing)

Pages: 10

Replace: ASTM F2786-  
16(2021)

**ASTM F3044-26**

Standard Test Method for  
Evaluating the Potential for  
Galvanic Corrosion for  
Medical Implants

Pages: 10

Replace: ASTM F3044-20

**ASTM F3676-26**

Standard Specification for  
225/45R17 94V XL Radial  
Standard Reference Test Tire

Pages: 4

Replace: ASTM F3676-24

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

**JIS A 1551:2026**

Test method for automatic  
door systems

Pages: 68

**JIS A 4723:2026**

Performance requirements  
for automatic door systems

Pages: 30

**JIS A 5440:2026**

Volcanic silicates fiber  
reinforced multi-layer board

Pages: 13

**JIS A 5547:2026**

Adhesives for preformed  
cellular plastics thermal  
insulation materials

Pages: 52

**JIS A 6204:2026**

Chemical admixtures for  
concrete

Pages: 48

**JIS A 6932:2026**

Polyethylene tarpaulin for  
emergency roof covering and  
building envelope

Pages: 32

**JIS A 8330-5:2026**

Earth-moving machinery-  
Operator enclosure  
environment-Part 5:

Windscreen defrosting  
system test method

Pages: 14

**JIS A**

**8339:2022/AMENDMENT  
1:2026**

Earth-moving machinery-  
Quick couplers-Safety  
(Amendment 1)

- Pages: 6  
**JIS B 2309:2026**  
Butt-welding pipe fittings for light gauge stainless steel tubes for ordinary use  
Pages: 32  
**JIS B 2711:2013/AMENDMENT 1:2026**  
Springs-Shot peening (Amendment 1)  
Pages: 1  
**JIS B 7073-1:2026**  
Optics and photonics-Test method for chemical durability of optical glass-Part 1: Climate resistance  
Pages: 18  
**JIS B 7446-1:2026**  
Optical coordinate measuring system using industrial robot-Acceptance tests-Part 1: Substitution measurement  
Pages: 32  
**JIS B 7607:2026**  
Automatic catchweighing instruments  
Pages: 102  
**JIS B 7743:2026**  
Rebound hardness test method by small ball rebound hardness testing machines  
Pages: 18  
**JIS B 8103:2022/AMENDMENT 1:2026**  
Methods for model tests of hydraulic turbine and reversible pump-turbine (Amendment 1)  
Pages: 8  
**JIS B 8341:2026**  
Displacement compressors-Performance tests  
Pages: 86  
**JIS B 8390-2:2026**  
Pneumatic fluid power-Determination of flow-rate characteristics of components using compressible fluids-Part 2: Alternative test methods  
Pages: 48  
**JIS B 8613:2019/AMENDMENT 1:2026**  
Water chilling units (Amendment 1)  
Pages: 4  
**JIS B 8941:2026**  
Automated storage and retrieval system-Glossary of terms  
Pages: 52  
**JIS C 1910-1:2026**  
Measurement of DC magnetic, AC magnetic and AC electric fields from 1 Hz to 100 kHz with regard to exposure of human beings-Part 1: Requirements for measuring instruments  
Pages: 52  
**JIS C 4034-2-1:2026**  
Rotating electrical machines-Part 2-1: Methods for determining losses and efficiency from tests of single-speed, three-phase, cage-induction motors  
Pages: 56  
**JIS C 4034-30-1:2026**  
Rotating electrical machines-Part 30-1: Efficiency classes of single-speed, three-phase, cage-induction motors (IE-code)  
Pages: 24  
**JIS C 5920-5:2026**  
Fiber optic passive power control devices-Part 5: Single-mode fiber, pigtailed style, fixed optical attenuators  
Pages: 18  
**JIS C 5965-3-1:2026**  
Fiber optic interconnecting devices and passive components-Connector optical interfaces-Part 3-1: Connector parameters of dispersion unshifted single-mode physically contacting fibers-Non-angled 2.5 mm and 1.25 mm diameter cylindrical full zirconia ferrules  
Pages: 22  
**JIS C 5965-3-2:2026**  
Fiber optic interconnecting devices and passive components-Connector optical interfaces-Part 3-2: Connector parameters of dispersion unshifted single-mode physically contacting fibers-Angled 2.5 mm and 1.25 mm diameter cylindrical full zirconia ferrules  
Pages: 22  
**JIS C 5965-3-2:2026**  
Fiber optic interconnecting devices and passive components-Connector

optical interfaces-Part 3-2: Connector parameters of dispersion unshifted single- mode physically contacting fibers-Angled 2.5 mm and 1.25 mm diameter cylindrical full zirconia ferrules Pages: 22 <b>JIS C 6182:2026</b> Test methods of optical power meters for light beam Pages: 22 <b>JIS C 6760:2026</b> Single crystal wafers for surface acoustic wave (SAW) device applications- Specifications and measuring methods Pages: 40 <b>JIS C 6804:2026</b> Safety of laser products- Safety of free space optical communication systems used for transmission of information Pages: 56 <b>JIS C 6823:2026</b> Measuring methods for attenuation of optical fibers Pages: 82 <b>JIS C 6870-1-21:2026</b> Optical fiber cables-Part 1-21: Basic optical fiber cable test procedures-Mechanical test methods Pages: 78 <b>JIS C 8202-1:2026</b> Low-voltage switchgear and controlgear-Controller-device interfaces (CDIs)-Part 1:	General rules Pages: 14 <b>JIS C 8282-1:2026</b> Plugs and socket-outlets for household and similar purposes-Part 1: General requirements Pages: 200 <b>JIS C 60793-1-53:2026</b> Optical fibers-Part 1-53: Measurement methods and test procedures-Water immersion tests Pages: 8 <b>JIS C 60793-1-54:2026</b> Optical fibers-Part 1-54: Measurement methods and test procedures-Gamma irradiation Pages: 12 <b>JIS C 61000-4-6:2026</b> Electromagnetic compatibility (EMC)-Part 4-6: Testing and measurement techniques-Immunity to conducted disturbances, induced by radio-frequency fields Pages: 84 <b>JIS C 61300-2-26:2026</b> Fiber optic interconnecting devices and passive components-Basic test and measurement procedures- Part 2-26: Tests-Salt mist Pages: 12 <b>JIS C 62368-1:2026</b> Audio/video, information and communication technology equipment-Part 1: Safety	requirements Pages: 368 <b>JIS C 62733:2026</b> Programmable components in electronic controlgear for electric light sources-General and safety requirements Pages: 40 <b>JIS C 62841-3-9:2026</b> Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery- Safety-Part 3-9: Particular requirements for transportable mitre saws Pages: 38 <b>JIS D 9115:2026</b> Electric power assisted bicycles Pages: 34 <b>JIS D 9301:2026</b> Bicycles for general use Pages: 78 <b>JIS D 9304:2026</b> Bicycles for exclusive sports usage Pages: 44 <b>JIS D 9313-1:2026</b> Cycles-Part 1: General rule for test method and parts test methods Pages: 14 <b>JIS D 9313-2:2026</b> Cycles-Part 2: Braking device test methods Pages: 34 <b>JIS D 9313-3:2026</b> Cycles-Part 3: Steering device test methods
--	--	---

Pages: 20

**JIS D 9313-4:2026**

Cycles-Part 4: Body unit test methods

Pages: 34

**JIS D 9313-5:2026**

Cycles-Part 5: Running device test methods

Pages: 16

**JIS D 9313-6:2026**

Cycles-Part 6: Driving device test methods

Pages: 18

**JIS D 9313-7:2026**

Cycles-Part 7: Seating device test methods

Pages: 14

**JIS E 3014:2026**

Parts of railway signalling-Vibration test methods

Pages: 22

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

**DIN 81852 Edition 2026-02**

Stud link anchor chain cables, Grade K4 - End shackles

**DIN EN 13757-4 Edition 2026-02**

Communication systems for meters - Part 4: Wireless M-Bus communication

**DIN EN 18144 Edition 2026-02**

Online gambling - Markers of harm in support of identification and prevention of risky and problem gambling behaviour

**DIN EN 4287 Edition 2026-02**

Aerospace series - Aluminium alloy AL-P7010 - Forging stock

**DIN EN 3162 Edition 2026-02**

Aerospace series - Steel X5CrNiCu17-4 (1.4542) - Sheets and strips

**DIN EN 3163 Edition 2026-02**

Aerospace series - Steel X5CrNiCu17-4 (1.4542) - Forging stock

**DIN EN 1761 Edition 2026-02**

Rubber hoses and hose assemblies for fuel truck delivery

**DIN EN 2480 Edition 2026-02**

Aerospace series - Steel 36NiCrMo16 (1.6773) - Bars

**DIN EN 3677 Edition 2026-02**

Aerospace series - Steel X5CrNiCu17-4 (1.4542) - Forgings -  $R_m \geq 1\,310$  MPa

**DIN EN 3678 Edition 2026-02**

Aerospace series - Steel X5CrNiCu17-4 (1.4542) - Forgings -  $R_m \geq 930$  MPa

**DIN EN 3638 Edition 2026-02**

Aerospace series - Heat-resisting alloy X6NiCrTiMoV26-15 - Sheets, strips and plates

**DIN EN 3639 Edition 2026-02**

Aerospace series - Heat-resisting alloy X6NiCrTiMoV26-15 - Wires

**DIN EN 18184 Edition 2026-02**

Financial services - Specification of QR codes for mobile initiated credit transfers

**DIN EN 2451 Edition 2026-02**

Aerospace series - Steel 31NiMoCr10-5-3 - Forgings

**DIN EN 10242 Edition 2026-02**

Threaded pipe fittings in malleable cast iron

**DIN EN 12186 Edition 2026-02**

Gas infrastructure - Gas pressure control stations

**DIN EN 15827 Edition 2026-02**

Railway applications - System Engineering requirements for bogies and running gear

**DIN ISO 1817 Edition 2026-02**

Rubber - Determination of the effect of liquids

**DIN EN 3043 Edition 2026-02**

Aerospace series - Fasteners in heat resisting steel A286

**DIN EN 15365 Edition 2026-02**

Advanced technical ceramics

- Determination of creep behaviour <b>DIN EN 6050 Edition 2026-02</b> Aerospace series - Pin, close tolerance, swage locking <b>DIN EN 6051 Edition 2026-02</b> Aerospace series - Collar, swage locking, aluminium alloy 3003 <b>DIN EN 16683 Edition 2026-02</b> Railway applications - Call for aid and communication device <b>DIN EN 4314 Edition 2026-02</b> Aerospace series - Heat-resisting alloy X4NiCrTiMoV26-15 - Forging stock <b>DIN EN 6054 Edition 2026-02</b> Aerospace series - Collar, swage locking, aluminium alloy 6061 <b>DIN EN 3050 Edition 2026-02</b> Aerospace series - O-rings, fluorocarbon rubber (FKM) <b>DIN EN 4317 Edition 2026-02</b> Aerospace series - Heat-resisting alloy X6NiCrTiMoV26-15 - Forging stock <b>DIN EN 4318 Edition 2026-02</b> Aerospace series - Heat-	resisting alloy X6NiCrTiMoV26-15 - Bars and sections <b>DIN EN 3014 Edition 2026-02</b> Aerospace series - Shank nut, self-locking <b>DIN EN 4315 Edition 2026-02</b> Aerospace series - Heat-resisting alloy X6NiCrTiMoV26-15 - Bars and sections <b>DIN EN 3049 Edition 2026-02</b> Aerospace series - O-rings - Hardness 80 IRHD <b>DIN EN 10342 Edition 2026-02</b> Magnetic materials - Surface insulation classification <b>DIN ISO 23592 Edition 2026-02</b> Service excellence - Principles and model <b>DIN EN 1717 Edition 2026-02</b> Protection against pollution of drinking water installations <b>DIN EN ISO 27269 Edition 2026-02</b> Health informatics - International patient summary <b>DIN EN 14056-1 Edition 2026-02</b> Laboratory furniture - Design and installation <b>DIN EN 3475-807 Edition 2026-02</b>	Aerospace series - Electrical cables - Transfer impedance <b>DIN EN 3475-408 Edition 2026-02</b> Aerospace series - Electrical cables - Fire resistance <b>DIN EN 13084-6 Edition 2026-02</b> Free-standing chimneys - Steel liners <b>DIN EN 13245-1 Edition 2026-02</b> PVC-U profiles - Designation <b>DIN EN 13245-3 Edition 2026-02</b> PVC-UE profiles - Designation <b>DIN EN 18031-3 Edition 2026-02</b> Common security requirements for radio equipment - Virtual money processing <b>DIN EN 13852-1 Edition 2026-02</b> Cranes - Offshore cranes <b>DIN EN 1555-2 Edition 2026-02</b> PE pipes for gaseous fuels <b>DIN EN 1555-4 Edition 2026-02</b> PE valves for gaseous fuels <b>DIN EN 1555-1 Edition 2026-02</b> PE piping systems - General <b>DIN EN 1555-3 Edition 2026-02</b> PE fittings for gaseous fuels <b>DIN EN 71-5 Edition 2026-02</b> Safety of toys - Chemical toys <b>DIN EN 15154-2 Edition 2026-02</b>
--	---	---

Emergency safety showers - Eyewash units <b>DIN EN 15154-1 Edition 2026-02</b>	<b>DIN EN ISO 17099 Edition 2026-02</b> Radiological protection - CBMN assay laboratories <b>DIN EN ISO 2081 Edition 2026-02</b>	<b>UL 10C Edition 3, 2026</b> Standard for Positive Pressure Fire Tests of Door Assemblies <b>UL 67 Edition 13, 2026</b> Standard for Panelboards <b>UL 72 Edition 17, 2026</b> Tests for Fire Resistance of Record Protection Equipment <b>UL 87 Edition 12, 2026</b> Standard for Power-Operated Dispensing Devices for Petroleum Products <b>UL 94 Edition 7, 2026</b> Tests for Flammability of Plastic Materials for Parts in Devices and Appliances <b>UL 96 Edition 7, 2026</b> Lightning Protection Components <b>UL 110 Edition 3, 2026</b> Sustainability for Mobile Phones <b>UL 132 Edition 9, 2026</b> Safety Relief Valves for Anhydrous Ammonia and LP-Gas <b>UL 203A Edition 1, 2026</b> Standard for Sway Brace Devices for Sprinkler System Piping <b>UL 224 Edition 8, 2026</b> Extruded Insulating Tubing <b>UL 248-10 Edition 3, 2026</b> Low-Voltage Fuses Part 10 Class L Fuses <b>UL 248-13 Edition 3, 2026</b> Low-Voltage Fuses Part 13 Semiconductor Fuses <b>UL 268 Edition 8, 2026</b> Smoke Detectors for Fire Alarm Systems
Emergency safety showers - Body showers <b>DIN EN 17690-1 Edition 2026-02</b>	Electroplated zinc coatings <b>DIN EN ISO 17162 Edition 2026-02</b>	
BAC control loop - Room temperature sensors <b>DIN EN 1092-2 Edition 2026-02</b>	Fine ceramics - Compressive strength <b>DIN EN ISO 14419 Edition 2026-02</b>	
Cast iron flanges <b>DIN EN ISO 7376 Edition 2026-02</b>	Textiles - Oil repellency test <b>DIN EN ISO 13916 Edition 2026-02</b>	
Laryngoscopes for tracheal intubation <b>DIN EN ISO 14607 Edition 2026-02</b>	Welding - Measurement of preheating temperature <b>DIN EN ISO 15613 Edition 2026-02</b>	
Mammary implants - Specific requirements <b>DIN EN ISO 10519 Edition 2026-02</b>	Qualification of welding procedures <b>DIN EN ISO 16140-3 Edition 2026-02</b>	
Rapeseed - Determination of chlorophyll content <b>DIN EN ISO 11641 Edition 2026-02</b>	Microbiology - Method validation <b>DIN EN ISO 16757-4 Edition 2026-02</b>	
Leather - Colour fastness to perspiration <b>DIN EN ISO 18475 Edition 2026-02</b>	Electronic product catalogues - Data dictionary structures <b>VDI 2700 Blatt 3.2 Edition 2026-02</b>	
Determination of PCB by GC methods <b>DIN EN ISO 17779 Edition 2026-02</b>	Securing of loads on road vehicles - Load-securing equipment	
Qualification of brazing procedures <b>DIN EN ISO 5577 Edition 2026-02</b>	<b>❖ <u>Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)</u></b>	
Ultrasonic testing - Vocabulary	<b>UL 8 Edition 7, 2026</b> Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers	

<b>UL 414 Edition 10, 2026</b> Meter Sockets	<b>UL 1077 Edition 7, 2026</b> Supplementary Protectors for Use in Electrical Equipment	<b>UL 2700 Edition 1, 2026</b> Sustainability for Cleaning and Cleaning Related Products
<b>UL 486F Edition 3, 2026</b> Standard for Bare and Covered Ferrules	<b>UL 1236 Edition 8, 2026</b> Battery Chargers for Charging Engine-Starter Batteries	<b>UL 2700-1 Edition 1, 2026</b> Microbial-Based Cleaning Products
<b>UL 507 Edition 10, 2026</b> Standard for Electric Fans	<b>UL 1429 Edition 4, 2026</b> Pullout Switches	<b>UL 2750 Edition 1, 2026</b> Wireless Power Transfer Equipment for Electric Vehicles
<b>UL 514C Edition 4, 2026</b> Standard for Nonmetallic Outlet Boxes, Flush-Device Boxes, and Covers	<b>UL 1479 Edition 4, 2026</b> Fire Tests of Penetration Firestops	<b>UL 2800-1 Edition 3, 2026</b> Medical Device Interoperability
<b>UL 555 Edition 8, 2026</b> Fire Dampers	<b>UL 1517 Edition 3, 2026</b> Hybrid Personal Flotation Devices	<b>UL 2850 Edition 1, 2026</b> Electric Scooters and Motorcycles
<b>UL 626 Edition 9, 2026</b> Water Fire Extinguishers	<b>UL 1598C Edition 2, 2026</b> LED Retrofit Luminaire Conversion Kits	<b>UL 4200A Edition 1, 2026</b> Products Incorporating Button Batteries or Coin Cell Batteries
<b>UL 746A Edition 6, 2026</b> Polymeric Materials Short Term Property Evaluations	<b>UL 1638 Edition 6, 2026</b> Visible Signaling Devices for Fire Alarm Systems	<b>UL 4740 Edition 1, 2026</b> LiDAR and LiDAR Systems
<b>UL 746B Edition 5, 2026</b> Polymeric Materials Long Term Property Evaluations	<b>UL 1973 Edition 3, 2026</b> Batteries for Use in Stationary and Motive Auxiliary Power Applications	<b>UL 5085-2 Edition 2, 2026</b> Low Voltage Transformers General Purpose Transformers
<b>UL 763 Edition 5, 2026</b> Motor-Operated Commercial Food Preparing Machines	<b>UL 2167 Edition 2, 2026</b> Water Mist Nozzles for Fire Protection Service	<b>UL 8750 Edition 2, 2026</b> LED Equipment for Use in Lighting Products
<b>UL 797A Edition 3, 2026</b> Electrical Metallic Tubing Aluminum and Stainless Steel	<b>UL 2367A Edition 1, 2026</b> Solid State Overcurrent Protector Modules	<b>UL 9540A Edition 5, 2026</b> Thermal Runaway Fire Propagation in Battery Energy Storage Systems
<b>UL 810A Edition 2, 2026</b> Electrochemical Capacitors	<b>UL 2556 Edition 5, 2026</b> Wire and Cable Test Methods	<b>UL 120017 Edition 1, 2026</b> Electrical Equipment Installed in Hazardous Locations
<b>UL 869A Edition 4, 2026</b> Service Equipment	<b>UL 2572 Edition 2, 2026</b> Control and Communication Units for Mass Notification Systems	<b>UL 60079-11 Edition 7, 2026</b>
<b>UL 891 Edition 12, 2026</b> Switchboards	<b>UL 2580 Edition 3, 2026</b> Batteries for Use in Electric Vehicles	
<b>UL 999K Edition 1, 2026</b> Sub 999K CSDS Pilot Test Use		
<b>UL 1008B Edition 4, 2026</b> Source Interconnection Switches		
<b>UL 1026 Edition 6, 2026</b> Electric Household Cooking and Food Serving Appliances		

Equipment Protection by Intrinsic Safety <b>UL 60079-33 Edition 1, 2026</b>	<b>UL 61810-1 Edition 1, 2026</b> Electromechanical Elementary Relays <b>UL 62841-2-2 Edition 1, 2026</b> Hand Held Screwdrivers and Impact Tools <b>UL 62841-2-4 Edition 1, 2026</b> Hand Held Sanders and Polishers <b>UL 62841-2-12 Edition 1, 2026</b> Hand Held Concrete Vibrators <b>UL 62841-3-14 Edition 1, 2026</b>	<b>ULC 529 Edition 5, 2026</b> Smoke Detectors for Fire Alarm Systems <b>ULC 554 Edition 3, 2026</b> Water Based Agent Fire Extinguishers
Equipment Protection by Special Protection s <b>UL 60335-2-8 Edition 7, 2026</b>		
Shavers Hair Clippers and Similar Appliances <b>UL 60947-4-1 Edition 4, 2026</b>		
Contactors and Motor Starters <b>UL 60947-4-2 Edition 2, 2026</b>		
AC Semiconductor Motor Controllers <b>UL 61010-2-201 Edition 3, 2026</b>	Transportable Drain Cleaners <b>ULC 507 Edition 5, 2026</b> Water Fire Extinguishers <b>ULC 526 Edition 4, 2026</b>	
Control Equipment <b>UL 61730-1 Edition 2, 2026</b>	Visible Signaling Devices for Fire Alarm Systems	
Photovoltaic Module Construction Requirements		

**Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn**